

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
PHÂN HIỆU ĐHQĐN TẠI KON TUM



ĐẶNG CÔNG HOÀNG

BÁO CÁO TỐT NGHIỆP

**KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ
KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ
PHÁT TRIỂN AN XUÂN PHÁT**

Kon Tum, tháng 05 năm 2024

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
PHÂN HIỆU ĐHQĐN TẠI KON TUM



BÁO CÁO TỐT NGHIỆP

KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN AN XUÂN PHÁT

GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN : NGUYỄN THỊ HẰNG

SINH VIÊN THỰC HIỆN : ĐẶNG CÔNG HOÀNG

LỚP : K20KT

MSSV : 2017340301003

Kon Tum, tháng 05 năm 2023

LỜI CẢM ƠN

Được sự giới thiệu của Phân hiệu Đại Học Đà Nẵng tại Kon Tum cùng với sự chấp nhận của CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KINH DOANH HOÀNG NGUYỄN BÁCH, sau hơn ba tháng thực tập tại công ty cùng với những kiến thức đã học, tôi đã hoàn thành báo cáo chuyên đề với đề tài: “Kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN AN XUÂN PHÁT”. Để hoàn thành đề tài, ngoài sự cố gắng của bản thân, tôi đã nhận được sự giúp đỡ tận tình từ phía nhà trường và cơ quan thực tập. Nhất là sự hướng dẫn tận tâm, nhiệt tình của cô Bùi Thị Bích Thủy trong suốt thời gian tôi thực hiện đề tài.

Tôi chân thành cảm ơn quý thầy cô khoa Kinh Tế, cùng toàn thể quý thầy cô Phân hiệu Đại Học Đà Nẵng tại Kon Tum đã truyền đạt những kiến thức quý báu cho tôi trong những năm học vừa qua.

Tôi chân thành cảm ơn các anh chị phòng kế toán của CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KINH DOANH HOÀNG NGUYỄN BÁCH đã nhiệt tình hướng dẫn, cung cấp số liệu cho tôi trong quá trình thực tập.

Vì kiến thức chuyên môn còn hạn chế và thiếu kinh nghiệm thực tiễn nên nội dung đề tài không tránh khỏi những thiếu sót. Vì vậy tôi rất mong nhận được sự góp ý của quý thầy cô và các bạn để đề tài được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng, tôi xin kính chúc quý thầy cô dồi dào sức khỏe. Kính chúc Quý CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KINH DOANH HOÀNG NGUYỄN BÁCH ngày càng mở rộng và phát triển hơn nữa trong tương lai.

Xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

Đặng Công Hoàng

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN

DANH MỤC VIẾT TẮT	iii
DANH MỤC CÁC BẢNG VÀ HÌNH.....	iv
DANH MỤC CÁC SƠ ĐỒ.....	v
PHẦN MỞ ĐẦU.....	1
1. Tính cấp thiết của đề tài.....	1
2. Đề tài nghiên cứu.....	1
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	1
4. Phương pháp nghiên cứu.....	1
5. Bố cục đề tài.....	2
CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ.....	3
KINH DOANH.....	3
1.1. KHÁI NIỆM, NHIỆM VỤ, Ý NGHĨA CỦA KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH.....	3
1.2. Kế toán doanh thu bán hàng.....	3
1.2.1. Các phương thức bán hàng và thanh toán.....	3
1.2.2. Kế toán doanh thu bán hàng.....	4
1.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.....	5
1.2.4. Chi phí giá vốn hàng bán.....	6
1.2.5. Kế toán chi phí tài chính.....	7
1.2.6. Kế toán chi phí doanh nghiệp.....	9
1.2.7. Thu nhập khác.....	12
1.2.8. Chi phí khác.....	12
1.3. XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH.....	14
1.3.1. Khái niệm.....	14
1.3.2. Hạch toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh.....	14
1.3.3. Kế toán chi phí thuế TNDN.....	15
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN MUA HÀNG VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH, CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẠI TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN AN XUÂN PHÁT.....	17
2.1. Giới thiệu về công ty.....	17
2.2. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.....	17
2.3. SƠ LƯỢC VỀ TÌNH HÌNH TÀI SẢN, NGUỒN VỐN, DOANH THU, CHI PHÍ VÀ LỢI NHUẬN TRONG 3 NĂM 2021, 2022, 2023.....	17
2.4. Tổ chức quản lý kinh doanh.....	19
2.4.1. Tổ chức bộ máy quản lý.....	19
2.4.2. Chức năng và nhiệm vụ của từng bộ phận.....	19
2.5. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH đầu tư và phát triển An Xuân Phát.....	20
2.5.1. Tổ chức bộ máy kế toán.....	20

2.5.2. Chính sách kế toán, hình thức ghi sổ trong Công ty An Xuân Phát	21
2.5.3. Quy trình xử lý dữ liệu chung	21
2.5.4. Mối quan hệ của phòng kế toán với từng phòng ban	22
2.6. Kế toán nghiệp vụ bán hàng	23
2.6.1. Quy trình nghiệp vụ bán hàng	23
2.6.2. Quy trình bán hàng của công ty	26
2.6.3. Kế toán giá vốn bán hàng.....	35
2.6.4. Kế toán doanh thu và chi phí hoạt động tài chính.....	36
2.6.5. Kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp.....	38
2.6.6. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác	40
2.6.7. Chi phí thuế TNDN trong công ty	42
2.7. XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH.....	44
CHƯƠNG 3. GIẢI PHÁP KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT.....	48
3.1. Nhận xét chung	48
3.1.1. Ưu điểm.....	48
3.1.2. Nhược điểm	48
3.2. GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN	49
KẾT LUẬN	50
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	51
GIẤY XÁC NHẬN HOÀN THÀNH BÁO CÁO THỰC TẬP TỐT NGHIỆP	

DANH MỤC VIẾT TẮT

BCTC	: Báo cáo tài chính
CNV	: Công nhân viên
CP	: Chí phí
DN	: Doanh nghiệp
DT	: Doanh thu
GTGT	: Giá trị gia tăng
HTK	: Hàng tồn kho
HĐ	: Hợp đồng
KQKD	: Kết quả kinh doanh
MTV	: Một thành viên
TK	: Tài khoản
TSCĐ	: Tài sản cố định
TNTT	: Trách nhiệm hữu hạn
SXKD	: Sản xuất kinh doanh

DANH MỤC CÁC BẢNG VÀ HÌNH

Số hiệu	TÊN BẢNG VÀ HÌNH	Trang
Bảng 2.1	Cấu trúc tài sản	17
Bảng 2.2	Cấu trúc nguồn vốn	18
Bảng 2.3	Tình hình doanh thu, lợi nhuận:	18
Hình 2.1	Sổ chi tiết TK 511- Doanh thu bán hàng hóa	33
Hình 2.2	Sổ cái (nhật ký chung) TK511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	34
Hình 2.3	Phiếu chi ngày 08/07/2023- phiếu chi cho chi phí quảng cáo	35
Hình 2.4	Sổ chi tiết TK 632- giá vốn hàng bán	36
Hình 2.5	Giấy báo có Ngày 14/07/2023	37
Hình 2.6	Sổ chi tiết TK 515- Doanh thu hoạt động tài chính	38
Hình 2.7	Hóa đơn GTGT ngày 19/07/2023	38
Hình 2.8	Sổ chi tiết 6421- chi phí bán hàng	39
Hình 2.9	Sổ chi tiết TK 6422- Chi phí quản lý doanh nghiệp	39
Hình 2.10	Phiếu chi ngày 31/07/2023- trả tiền phụ cấp ăn ca, điện thoại, làm thêm, giờ tháng 07/2023	40
Hình 2.11	Phiếu Thu Hỗ trợ khách hàng ngày 07/07/2023	41
Hình 2.12	Sổ chi tiết TK 711- Thu nhập khác	41
Hình 2.13	Sổ Cái (Nhật Ký Chung) TK 711- Thu nhập khác	42
Hình 2.14	Phiếu chi tiền nộp Thuế TNDN ngày 31/12/2023	43
Hình 2.15	Sổ cái (nhật ký chung) TK 821- Chi phí Thuế TNDN	43
Hình 2.16	Sổ chi tiết TK 911- Xác định kết quả kinh doanh	46
Hình 2.17	Sổ cái (nhật ký chung) TK 911- Xác định kết quả kinh doanh	46
Hình 2.18	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tháng 7/2023	47

DANH MỤC CÁC SƠ ĐỒ

Số hiệu Sơ đồ	TÊN SƠ ĐỒ	Trang
Sơ đồ 1.1	Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	5
Sơ đồ 1.2	Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính	6
Sơ đồ 1.3	Sơ đồ hạch toán giá vốn bán hàng	7
Sơ đồ 1.4	Sơ đồ hạch toán chi phí tài chính	9
Sơ đồ 1.5	Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh	11
Sơ đồ 1.6	Sơ đồ hạch toán thu nhập khác	12
Sơ đồ 1.7	Sơ đồ hạch toán chi phí khác	13
Sơ đồ 1.8	Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh	15
Sơ đồ 1.9	Sơ đồ hạch toán cho phí Thuế TNDN	16
Sơ đồ 2.1	Sơ đồ bộ máy tổ chức của công ty	19
Sơ đồ 2.2	Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán	20
Sơ đồ 2.3	Trình tự ghi theo hình thức sổ kế toán trên phần mềm kế toán	22
Sơ đồ 2.4	Sơ đồ quy trình bán hàng	24
Sơ đồ 2.5	Sơ đồ ghi sổ quy trình bán hàng	26
Sơ đồ 2.6	Hạch toán tổng hợp kết quả kinh doanh tháng 07/2023 công ty TNHH đầu tư và phát triển an xuân phát	45

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong môi trường kinh doanh cạnh tranh ngày càng khốc liệt hiện nay, việc bán hàng và xác định kết quả kinh doanh đóng vai trò quan trọng trong sự thành công của một doanh nghiệp. Bán hàng không chỉ là quá trình tiếp cận khách hàng và thuyết phục họ mua sản phẩm hoặc dịch vụ, mà còn bao gồm cả việc quản lý quan hệ khách hàng và xây dựng mối liên kết lâu dài. Trong khi đó, xác định kết quả kinh doanh đóng vai trò quyết định trong việc đo lường hiệu suất hoạt động của doanh nghiệp và định hướng cho các quyết định chiến lược trong tương lai.

Đề tài này tập trung vào nghiên cứu và phân tích các phương pháp, quy trình và công cụ mà các doanh nghiệp sử dụng để bán hàng hiệu quả và đo lường kết quả kinh doanh. Điều này bao gồm việc tìm hiểu về các chiến lược bán hàng khác nhau, quy trình quản lý khách hàng, công nghệ hỗ trợ bán hàng, cách sử dụng dữ liệu để đo lường và phân tích kết quả kinh doanh, cùng nhiều yếu tố khác. Em quyết định chọn đề tài “Kế toán mua hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH đầu tư và phát triển An Xuân Phát”

Được sự hướng dẫn của TH.S Nguyễn Thị Hằng, bài báo cáo trình bày kế toán mua hàng và xác định kết quả kinh doanh thực tế tại công ty TNHH đầu tư và phát triển An Xuân Phát mà em đã tìm hiểu được trong quá trình thực tập. Đồng thời, em cũng đã nhận ra được những điểm khác biệt trong công tác kế toán ở công ty An Xuân Phát so với lý thuyết đã học.

2. Đề tài nghiên cứu

- Tìm hiểu cơ sở lý luận về bán hàng và xác định kết quả kinh doanh
- Thực trạng công tác kế toán của bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH đầu tư và phát triển An Xuân Phát
- Tìm ra những ưu điểm và nhược điểm, từ đó rút ra những giải pháp, kiến nghị nhằm góp phần hoàn thiện tổ chức công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH đầu tư và phát triển An Xuân Phát.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH đầu tư và phát triển An Xuân Phát.
- Phạm vi nghiên cứu:
 - + Phạm vi về thời gian: 04/03/2024 – 25/05/2024
 - + Cơ sở thời gian: Tháng 04/2024

4. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp thu thập dữ liệu: dữ liệu thứ cấp là sổ sách kế toán của đơn vị thực tập, tham khảo trên sách vở, đọc tài liệu trên internet, các báo cáo thực tập được lưu trên thư viện trường về kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh, ...

- Phương pháp phân tích dữ liệu: phân tích các thông tin thu thập về kế toán bán hàng được ghi trong sổ sách, chứng từ và báo cáo xác định kết quả kinh doanh từ đơn vị thực tập.

5. Bộ cục đề tài

Bộ cục đề tài bao gồm 3 phần:

Chương 1: Cơ sở lý luận về kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH đầu tư và phát triển An Xuân Phát.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH đầu tư và phát triển An Xuân Phát.

Chương 3: Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

1.1. KHÁI NIỆM, NHIỆM VỤ, Ý NGHĨA CỦA KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

a. Khái niệm bán hàng:

Bán hàng là khâu cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh. Bán hàng là quá trình DN chuyển giao sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ cho khách hàng và khách hàng đã thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán.

b. Khái niệm xác định kết quả bán hàng

Xác định kết quả bán hàng là so sánh CP kinh doanh đã bỏ ra và thu nhập hoạt động kinh doanh mang về trong kỳ, thường là cuối tháng, cuối quý, cuối năm, tùy thuộc vào đặc điểm kinh doanh và yêu cầu quản lý của doanh nghiệp. Nếu thu nhập lớn hơn CP thì kết quả bán hàng lãi, ngược lại, thu nhập nhỏ hơn CP thì kết quả bán hàng lỗ.

c. Nhiệm vụ kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh

Ghi chép phản ánh đầy đủ khối lượng hàng hóa sản phẩm bán ra, tính đúng GVHB và các CP nhằm xác định chính xác KQKD. Cung cấp thông tin kịp thời về tình hình bán hàng cho lãnh đạo điều hành hoạt động kinh doanh, kiểm tra tiến độ thực hiện kế hoạch bán hàng, kế hoạch thuận lợi

d. Ý nghĩa kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh

Giữa bán hàng và xác định KQKD có mối quan hệ mật thiết, tác động qua lại lẫn nhau. Bán hàng là cơ sở để xác định KQKD cao hay thấp và KQKD là căn cứ quan trọng đưa ra quyết định bán hàng. KQKD là mục tiêu cuối cùng doanh nghiệp hướng đến và bán hàng là phương tiện thực hiện mục tiêu ấy. Doanh nghiệp bán hàng được mới có thể bù đắp chi phí bỏ ra, nâng cao đời sống lao động, mở rộng hoạt động SXKD.

Bán hàng và xác định KQKD có vai trò vô cùng quan trọng không chỉ đối với doanh nghiệp mà còn ảnh hưởng đến nền kinh tế. Việc xác định KQKD là cơ sở xác định chính xác và hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp đối với nhà nước thông qua việc nộp thuế, lệ phí vào ngân sách, xác định cơ cấu chi phí hợp lý và sử dụng hiệu quả lợi nhuận.

1.2. KẾ TOÁN DOANH THU BÁN HÀNG

1.2.1. Các phương thức bán hàng và thanh toán

a. Các phương thức bán hàng:

Bán buôn hàng hóa: gồm hai phương thức

Phương thức bán buôn hàng hoá qua kho: là phương thức mà hàng bán phải được xuất từ kho bảo quản của doanh nghiệp. Bán buôn hàng hoá qua kho có thể thực hiện dưới hai hình thức:

Bán buôn hàng hoá qua kho theo hình thức giao hàng trực tiếp: bên mua cử đại diện đến kho của DN để nhận hàng. Doanh nghiệp xuất kho hàng hoá giao trực tiếp cho đại

diện bên mua. Sau khi đại diện bên mua nhận đủ hàng, thanh toán tiền hoặc chấp nhận nợ, hàng hoá được xác định là tiêu thụ.

Bán buôn hàng hoá qua kho theo hình thức chuyển hàng: Theo hình thức này, căn cứ vào hợp đồng kinh tế đã ký kết hoặc theo đơn đặt hàng, DN xuất kho hàng hoá, dùng phương tiện vận tải của mình hoặc đi thuê ngoài, chuyển hàng đến kho của bên mua hoặc một địa điểm nào đó bên mua quy định trong hợp đồng.

Hàng hoá chuyển bán vẫn thuộc quyền sở hữu của DN. Chỉ khi nào được bên mua kiểm nhận, thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán thì số hàng chuyển giao mới được coi là tiêu thụ, người bán mất quyền sở hữu về số hàng đã giao. Chi phí vận chuyển do DN chịu hay bên mua chịu là do sự thoả thuận từ trước giữa hai bên. Nếu DN chịu CP vận chuyển, sẽ được ghi vào CP bán hàng. Nếu bên mua chịu CP vận chuyển, sẽ phải thu tiền của bên mua.

Phương thức bán buôn hàng hoá vận chuyển thẳng: Theo phương thức này, DN sau khi mua hàng, nhận hàng mua, không đưa về nhập kho mà chuyển bán thẳng cho bên mua. Phương thức này có thể thực hiện theo hai hình thức:

Bán buôn hàng hoá vận chuyển thẳng theo hình thức giao hàng trực tiếp (còn gọi là hình thức giao tay ba): Theo hình thức này, DN sau khi mua hàng, giao trực tiếp cho đại diện của bên mua tại kho người bán. Sau khi đại diện bên mua ký nhận đủ hàng, bên mua đã thanh toán tiền hàng hoặc chấp nhận nợ, hàng hoá được xác định là tiêu thụ.

Bán buôn hàng hoá vận chuyển thẳng theo hình thức chuyển hàng: Theo hình thức này, DN sau khi mua hàng, nhận hàng mua, dùng phương tiện vận tải của mình hoặc thuê ngoài vận chuyển hàng đến giao cho bên mua ở địa điểm đã được thoả thuận. Hàng hoá chuyển bán trong trường hợp này vẫn thuộc quyền sở hữu của DN. Khi nhận được tiền của bên mua thanh toán hoặc giấy báo của bên mua đã nhận được hàng và chấp nhận thanh toán thì hàng hoá chuyển đi mới được xác định là tiêu thụ [1].

b. Hình thức thanh toán

Thanh toán bằng tiền mặt: thanh toán bằng tiền mặt là chính, trong đó có nội tệ và ngoại tệ

Thanh toán không bằng tiền mặt: thanh toán thông qua khâu trung gian là ngân hàng bằng cách mở tài khoản.

1.2.2. Kế toán doanh thu bán hàng

Khái niệm:

Doanh thu là tổng giá trị lợi ích kinh tế DN thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động SXKD thông thường của DN, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Điều kiện ghi nhận doanh thu:

DN đã chuyển giao phần lớn lợi ích và rủi ro gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho khách hàng.

DN không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

DN đã thu được hoặc chắc chắn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng
 Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Chứng từ hoạch toán:

Hóa đơn GTGT, Hóa đơn bán hàng, phiếu xuất kho, bảng kê hàng hóa

Tài khoản sử dụng:

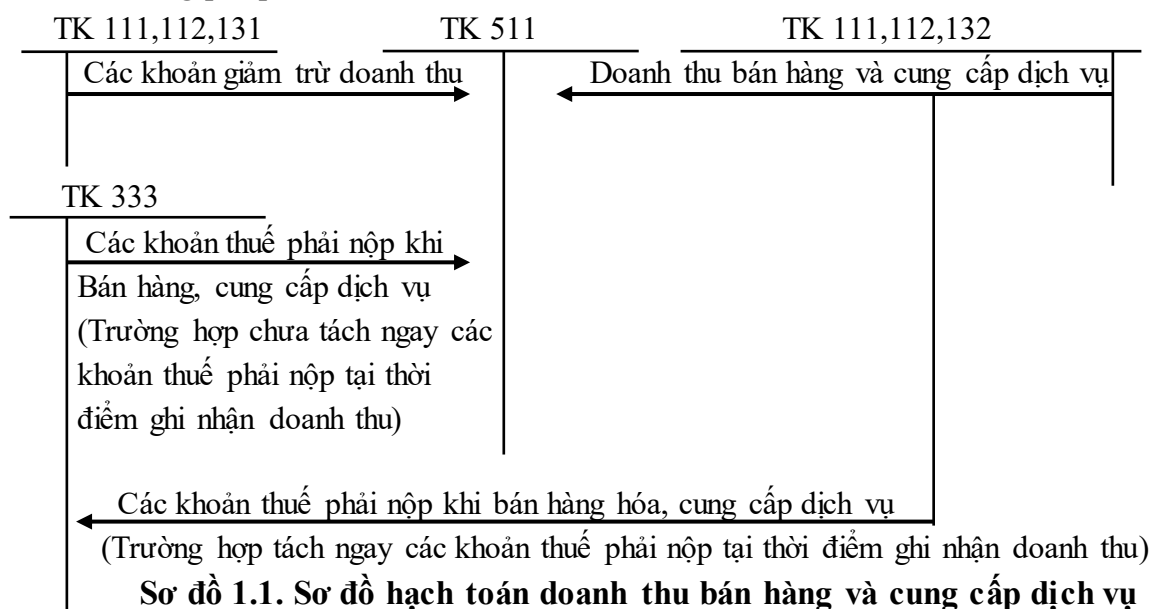
TK 511 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế bán hàng đặt biệt, thuế xuất khẩu phải nộp - Số thuế GTGT phải nộp (theo phương pháp trực tiếp) - Các khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán - Kết chuyển DT Thuần vào TK 911 	<ul style="list-style-type: none"> - DT bán hàng và cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ.

TK này không có số dư

Sổ sách kế toán chính bao gồm:

- Sổ nhật ký chung (sổ cái) TK 511
- Sổ chi tiết TK 511

Phương pháp hạch toán:



Sơ đồ 1.1. Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính là Doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia, doanh thu hoạt động tài chính khác của Doanh nghiệp.

Nguyên tắc hạch toán: TK 515 “Doanh thu hoạt động tài chính” theo dõi Doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ. Cuối kỳ, kế toán kết chuyển Doanh thu hoạt động tài chính vào bên “Có” TK 911 để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ [1].

Tài khoản sử dụng:

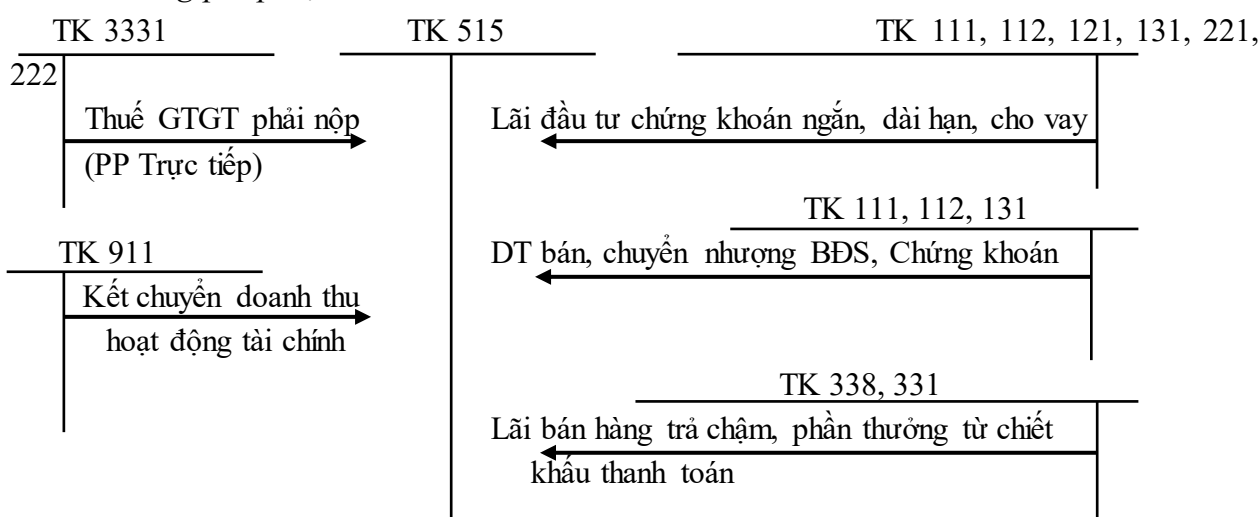
TK 515 Doanh thu hoạt động tài chính	
- Số thuế GTGT nộp theo phương pháp trực tiếp - Kết chuyển Doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK 911	- Chiếu khấu thanh toán được hưởng - Tiền lãi, lợi nhuận được chia - Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ

TK này không có số dư

Sổ sách kế toán chính bao gồm:

- Sổ nhật ký chung (sổ cái) TK 515
- Sổ chi tiết TK 515

Phương pháp hạch toán:



Sơ đồ 1.2. Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính

1.2.4. Chi phí giá vốn hàng bán

Chứng từ sử dụng: hợp đồng mua bán, phiếu xuất kho, hóa đơn bán hàng

Nguyên tắc hạch toán: Tài khoản 632 dùng để phản ánh giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán.

Giá vốn được ghi nhận khi doanh nghiệp bán hàng và chuyển giao quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho khách hàng.

Phương pháp xác định giá vốn:

Giá vốn được tính theo phương pháp bình quân gia quyền hoặc phương pháp nhập trước - xuất trước.

Đối với hàng hóa: Giá vốn = Giá mua + Chi phí liên quan trực tiếp.

Đối với sản phẩm: Giá vốn = Chi phí sản xuất thực tế của sản phẩm đã bán.

Nội dung ghi sổ:

Ghi giá vốn của hàng hóa, sản phẩm đã bán.

Ghi các khoản giảm trừ giá vốn (chiết khấu, giảm giá...).

Ghi các khoản phí vận chuyển, bảo hiểm hàng bán.

Phương pháp tính giá vốn:

Đối với hàng hóa:

Giá vốn = Giá trị hàng tồn kho đầu kỳ + Giá trị nhập kho trong kỳ - Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ.

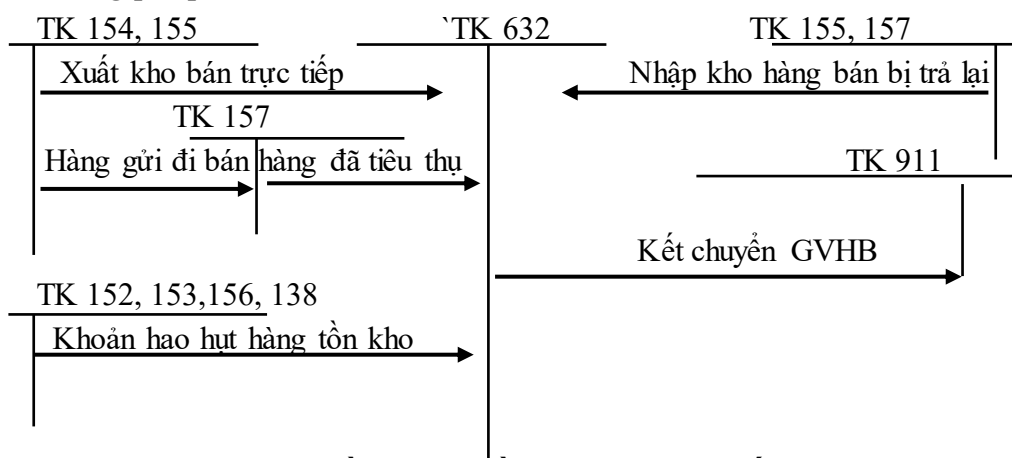
Đối với sản phẩm: Giá vốn = Chi phí sản xuất sản phẩm đã bán.

Tài khoản sử dụng:

TK 632 Giá vốn hàng bán	
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ	- Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho - Kết chuyển toàn bộ giá bán hàng bán sang TK911

TK không có số dư

Phương pháp hạch toán:



Sơ đồ 1.3. Sơ đồ hạch toán giá vốn bán hàng

1.2.5. Kế toán chi phí tài chính

Khái niệm:

Chi phí hoạt động tài chính là các khoản chi phí liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính bao gồm các khoản chi phí của hoạt động tài chính, các khoản đầu tư ngắn hạn, các khoản chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và một số chi phí khác của doanh nghiệp.

Chứng từ sử dụng: Phiếu chi, Ủy nhiệm chi, Hóa đơn GTGT, Sổ cái,...

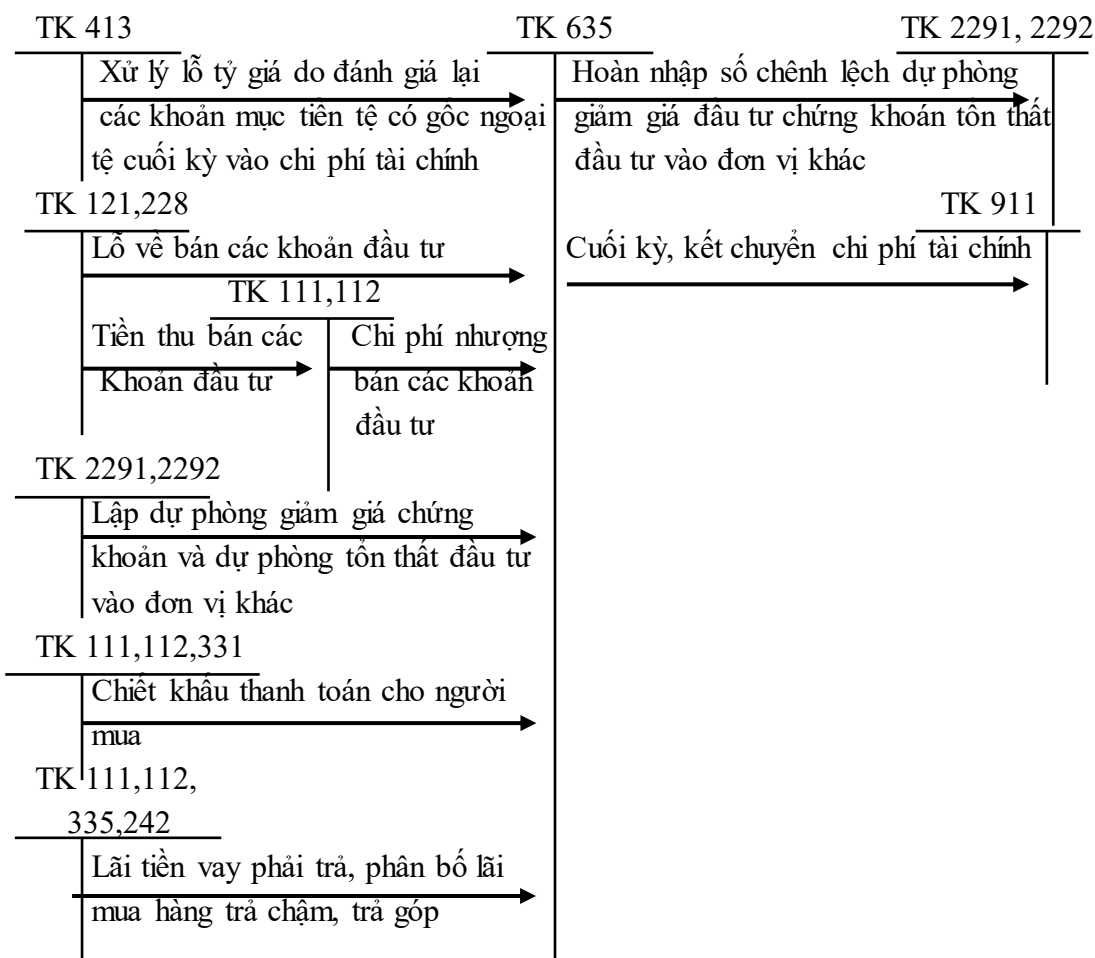
Tài khoản sử dụng:

TK 635 chi phí tài chính

<ul style="list-style-type: none">- Các khoản chi phí tài chính phát sinh trong kỳ trả lại nhập- Trích lập bổ sung dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất ĐT vào ĐV khác. (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này > số dự phòng đã lập kỳ trước).	<ul style="list-style-type: none">- Các khoản được ghi giảm chi phí tài chính- Trích lập bổ sung dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất ĐT vào ĐV khác. (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này > số dự phòng đã lập kỳ trước).- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí TC phát sinh trong kỳ để xác định KO HĐKD.
---	--

TK không có số dư

Hạch toán tài khoản:



Sơ đồ 1.4. Sơ đồ hạch toán chi phí tài chính

1.2.6. Kế toán chi phí doanh nghiệp

Khái niệm:

Chi phí quản lý doanh nghiệp là chi phí liên quan đến toàn bộ hoạt động quản lý và điều hành doanh nghiệp như lương nhân viên quản lý, chi phí khấu hao TSCD ở bộ phận, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác, ...

Chứng từ sử dụng: Phiếu chi, Hóa đơn GTGT, Giấy báo nợ, Bảng lương, Bảng chấm công, ...

Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp (không có số dư cuối kỳ)

Trong đó:

Tài khoản 6421 - Chi phí bán hàng: Phản ánh chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ trong kỳ của doanh nghiệp và tình hình kết chuyển chi phí bán hàng sang TK 911- Xác định kết quả kinh doanh.

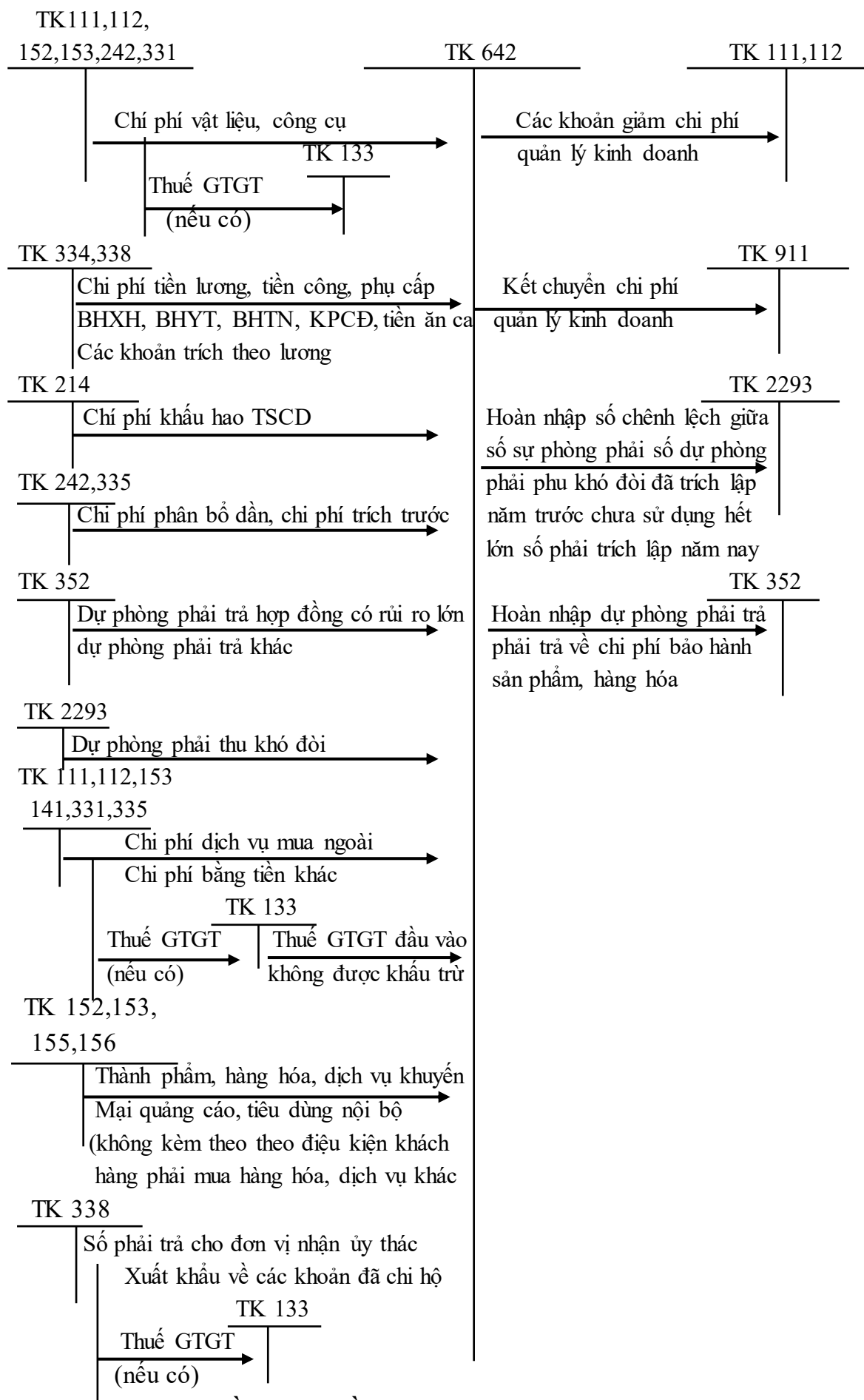
Tài khoản 6422 - Chi phí quản lý doanh nghiệp: Phản ánh chi phí quản lý chung của doanh nghiệp phát sinh trong kỳ và tình hình kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp sang TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh.

TK 642 “Chi phí quản lý doanh nghiệp”

<ul style="list-style-type: none">- Các chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ- Số dự phòng phải thu khó đòi, phòng phải trả	<ul style="list-style-type: none">- Các khoản được ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả.- Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh
--	---

TK không có số dư

Hạch toán tài khoản:



Sơ đồ 1.5. Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh

1.2.7. Thu nhập khác

Phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Chứng từ sử dụng: hóa đơn, phiếu chi, phiếu thu ...

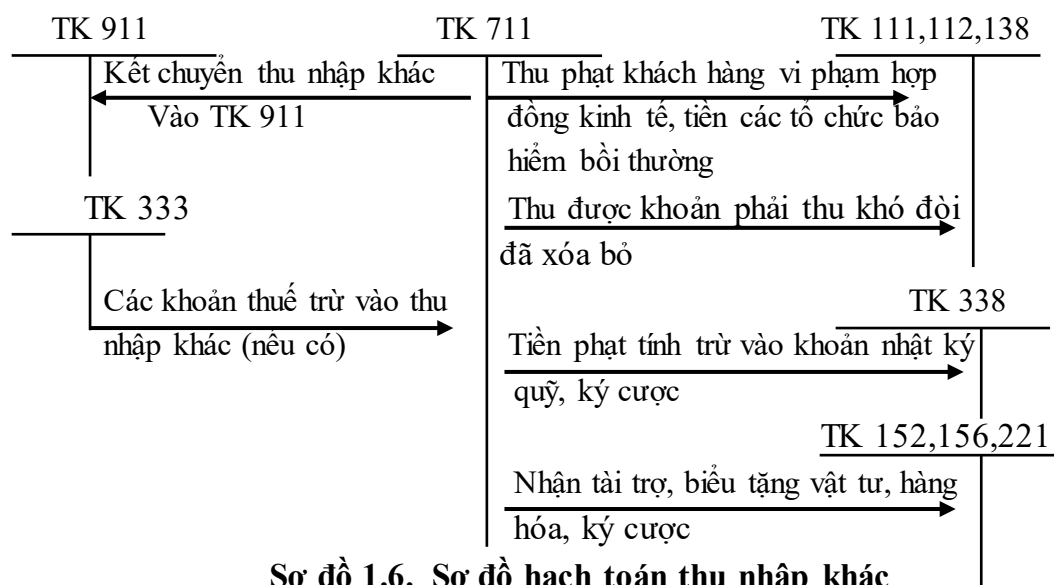
Tài khoản sử dụng: TK 711

TK 711 “Thu Nhập Khác”	
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang TK 911 “xác định kết quả kinh doanh” 	<ul style="list-style-type: none"> - các khoản phải thu nhập khác phát sinh trong kì

TK không có số dư

Sổ sách kế toán chính bao gồm:

- Sổ nhật ký chung (sổ cái) TK 711
- Sổ chi tiết TK 711



Sơ đồ 1.6. Sơ đồ hạch toán thu nhập khác

1.2.8. Chi phí khác

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp. Chi phí khác của doanh nghiệp có thể gồm:

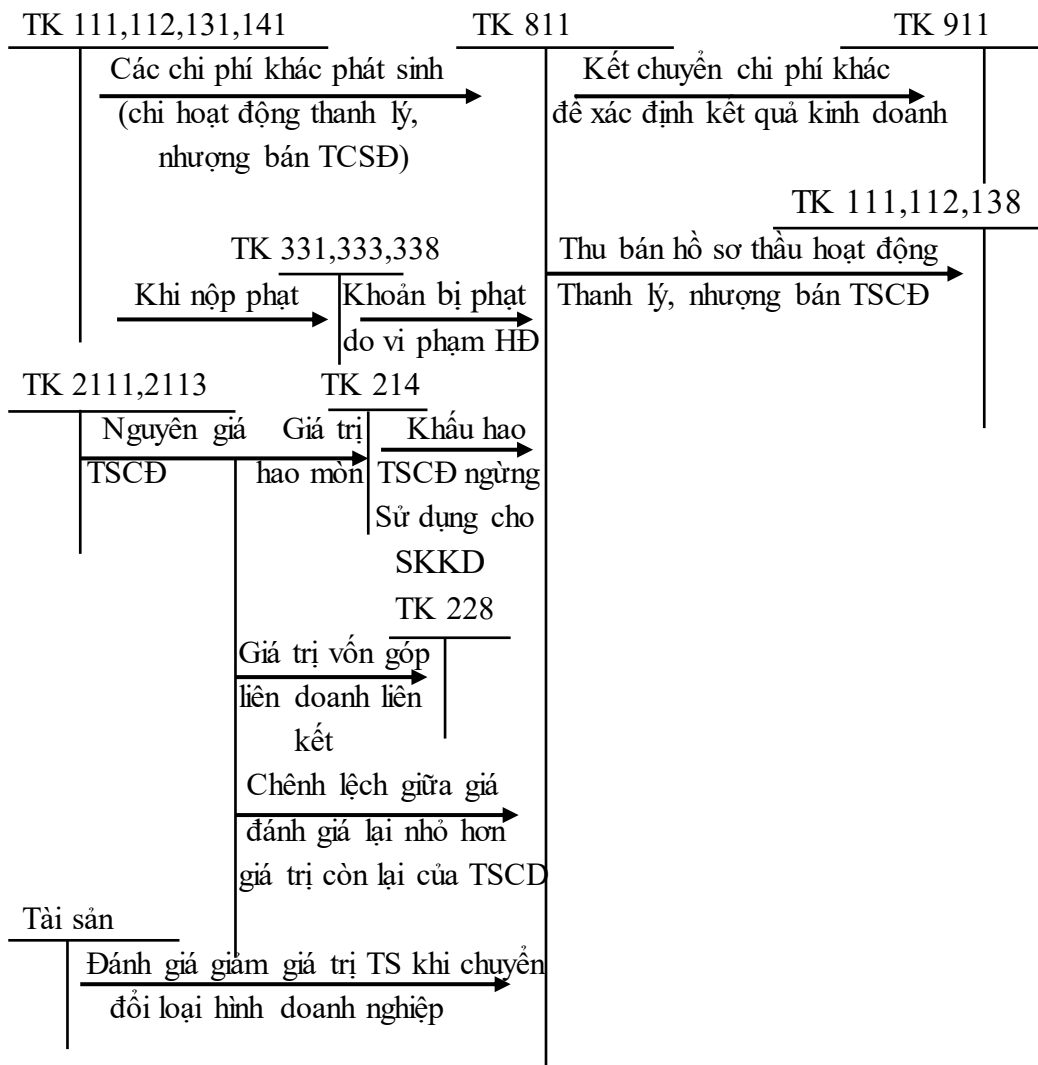
- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ (gồm cả chi phí đấu thầu hoạt động thanh lý). Số tiền thu từ bán hồ sơ thầu hoạt động thanh lý, nhượng bán TSCĐ được ghi giảm chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ,
- Chênh lệch giữa giá trị hợp lý tài sản được chia từ BCC nhỏ hơn chi phí đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát,
- Giá trị còn lại của TSCĐ bị phá dỡ,
- Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có),

- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác,
- Tiền phạt phải trả do vi phạm hợp đồng kinh tế, phạt vi phạm hành chính;
- Các khoản chi phí khác.

Tài khoản sử dụng:

TK 811 “Chi Phí Khác”	
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản Chi phí khác phát sinh trong kỳ sang TK 911 “xác định kết quả kinh doanh”	- Phản ánh các khoản chi phí khác phát sinh.
TK không có số dư	

Hạch toán tài khoản:



Sơ đồ 1.7. Sơ đồ hạch toán chi phí khác

1.3. XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

1.3.1. Khái niệm

Kết quả hoạt động kinh doanh gồm:

Kết quả hoạt động SXKD: là số chênh lệch giữa DT bán hàng và cung cấp dịch vụ thuần, DT nội bộ, DT hoạt động tài chính và giá vốn hàng bán, CP bán hàng, CP quản lý DN, CP tài chính, ...

Kết quả hoạt động khác: là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản CP khác.

Xác định kết quả kinh doanh theo thông tư 133/2016/TT-BTC như sau:

Kết quả hoạt động SXKD = Doanh thu thuần về bán hàng – Giá vốn hàng bán – Chi phí quản lý kinh doanh

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ = Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ – Các khoản giảm trừ doanh thu

Trong đó: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá trị các lợi ích kinh tế ghi nhận trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động SXKD thông thường của doanh nghiệp.

1.3.2. Hạch toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh

a) Cuối kỳ kế toán, thực hiện việc kết chuyển số doanh thu bán hàng thuần vào tài khoản Xác định kết quả kinh doanh, ghi:

Nợ TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh.

b) Kết chuyển trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ, ghi:

Nợ TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 632 - Giá vốn hàng bán.

c) Cuối kỳ kế toán, kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính và các khoản thu nhập khác, ghi:

Nợ TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính

Nợ TK 711 - Thu nhập khác

Có TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh.

d) Cuối kỳ kế toán, kết chuyển chi phí hoạt động tài chính và các khoản chi phí khác, ghi:

Nợ TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 635 - Chi phí tài chính

Có TK 811 - Chi phí khác.

e) Cuối kỳ kế toán, kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ, ghi:

Nợ TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 642 - Chi phí quản lý kinh doanh.

f) Cuối kỳ kế toán, kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ghi:

Nợ TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 821 - Chi phí thuế TNDN

g) Kết chuyển kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối:

- Kết chuyển lãi, ghi:

Nợ TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 421 - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

- Kết chuyển lỗ, ghi:

Nợ TK 421 - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Có TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh.

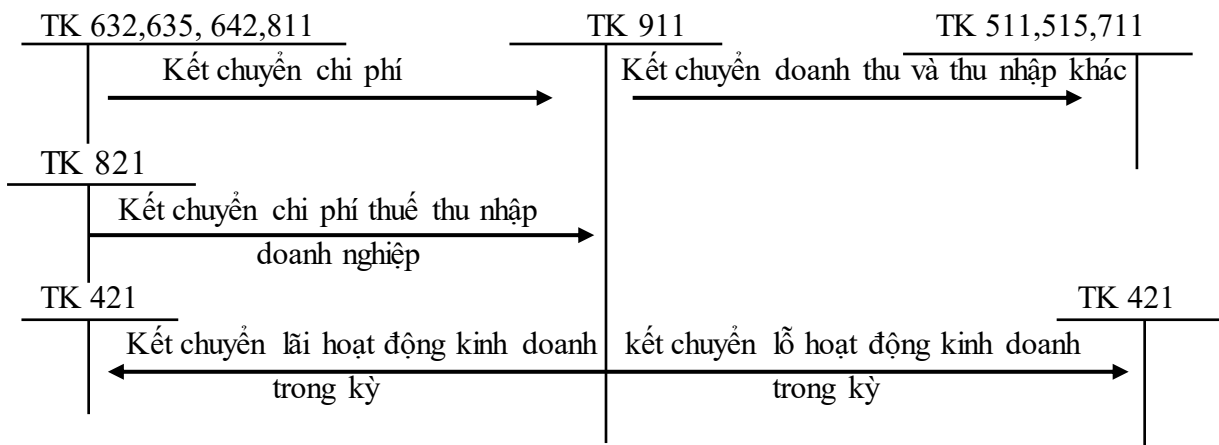
Tài khoản sử dụng:

TK 911 Xác định kết quả kinh doanh

<ul style="list-style-type: none"> - GVHB, CP bán hàng, CP khác - CP tài chính, CP khác - CP thuế TNDN - LN Chưa phân phối (lãi) 	<ul style="list-style-type: none"> - DT thuần - DT hoạt động tài chính - Thu nhập khác - Lợi nhuận chưa phân phối (lỗ)
--	--

TK không có số dư

Hạch toán tài khoản:



Sơ đồ 1.8. Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh

1.3.3. Kế toán chi phí thuế TNDN

Khái niệm:

Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán phải kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh vào tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh” để xác định lợi nhuận sau thuế trong kỳ kế toán.

Chứng từ sử dụng: sổ chi tiết, Sổ cái (sổ nhật ký chung)

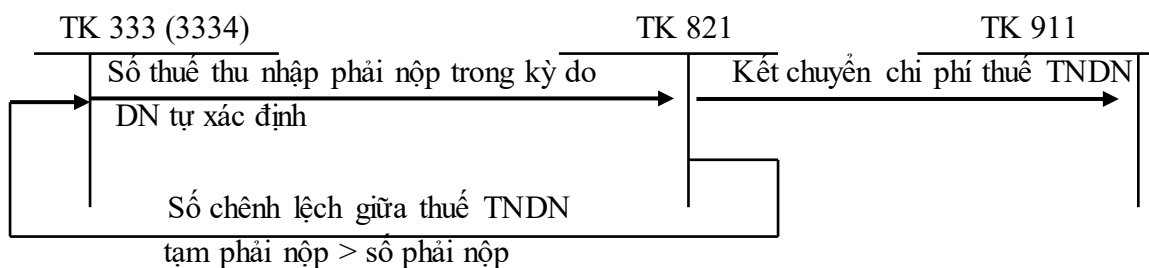
Tài khoản sử dụng:

TK 821 Thuế Thu nhập Doanh Nghiệp

- | | |
|--|---|
| <ul style="list-style-type: none">- Chi phí TNDN phát sinh trong năm.- Thuế TNDN của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế TNDN của năm hiện tại | <ul style="list-style-type: none">- Số thuế TNDN thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế TNDN đã ghi nhận trong năm.- Số thuế TNDN phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế TNDN trong năm hiện tại.- Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế TNDN phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế TNDN trong năm vào tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”. |
|--|---|

TK không có số dư

Hạch toán tài khoản:



Sơ đồ 1.9. Sơ đồ hạch toán cho phí Thuế TNDN

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN MUA HÀNG VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH, CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẠI TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN AN XUÂN PHÁT

2.1. GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY

Tên quốc tế: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN AN XUÂN PHÁT

Mã số thuế: 6101272113

Địa chỉ: 330 Sư Vạn Hạnh, Phường Duy Tân, Thành phố Kon Tum, Tỉnh KonTum, Việt Nam

Người đại diện: LƯƠNG TẤN XUÂN, LƯƠNG THỊ HƯƠNG Ngoài ra: LƯƠNG TẤN XUÂN, LƯƠNG THỊ HƯƠNG Còn đại diện các doanh nghiệp: CÔNG TY TNHH AN PHÚ TV

Ngày hoạt động: 2020-07-20

Quản lý bởi: Chi cục Thuế Thành phố Kon Tum

Loại hình DN: Công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên ngoài Nhà Nước

Tình trạng: Đang hoạt động (đã được cấp GCN ĐKT)

Ngành nghề kinh doanh: Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng

2.2. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Ngoài lĩnh vực bán buôn vật liệu, thiết bị khác trong xây dựng doanh nghiệp còn buôn bán các loại máy móc, thiết bị, các phụ tùng máy công nghiệp khác, gia công cơ khí các loại.

2.3. SƠ LƯỢC VỀ TÌNH HÌNH TÀI SẢN, NGUỒN VỐN, DOANH THU, CHI PHÍ VÀ LỢI NHUẬN TRONG 3 NĂM 2021, 2022, 2023

a. Cấu trúc tài sản:

Bảng 2.1. Cấu trúc tài sản

Chỉ tiêu	2021		2022		2023	
	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng
Tài sản ngắn hạn	5,624,811,168	85.5%	8,071,973,693	84.9%	10,917,555,266	89.1%
Tài sản dài hạn	951,515,151	14.5%	1,435,327,610	15.1%	1,341,007,864	10.9%
Tổng tài sản	6,576,326,319	100%	9,507,301,303	100%	12,258,563,130	100%

Cấu trúc tài sản của doanh nghiệp phần lớn đến từ tài sản ngắn hạn. Có sự tăng dần qua các năm. Chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tài sản ngắn là tiền và các khoản tương đương tiền. Tiền trong tổng tài sản có tỷ trọng cao điều đó cho thấy doanh nghiệp có khả

năng thanh toán tốt, nhưng việc dữ trữ quá nhiều tiền trong công ty có thể gây lãng phí nguồn vốn. Việc dữ trữ hàng tồn kho có thể mất nhiều chi phí kho và bị ứ đọng vốn nhưng bên cạnh đó có thể đáp ứng nhu cầu của khách hàng một cách kịp thời.

b. Cấu trúc nguồn vốn:

Bảng 2.2. Cấu trúc nguồn vốn

Chỉ tiêu	2021	2022	2023
Nợ phải trả	185,066,735	1,388,164,751	4,532,422,384
Tỷ suất nợ: Nợ/NV	2.7%	14.5%	35.1%
Vốn chủ sở hữu	6,682,690,809	8,162,013,530	8,369,303,068
Tỷ suất tự tài trợ	97.3%	85.5%	64.9%
Tổng nguồn vốn	6,867,757,544	9,550,179,281	12,901,725,452

Vốn chủ sở hữu chiếm tỷ trọng lớn hơn nợ phải trả trong tổng nguồn vốn. Tỷ suất nợ cao nhất là năm 2023 (31,5%) và thấp nhất là năm 2021 (2,7%). Có xu hướng tăng qua 3 năm. Cụ thể, tỷ suất nợ của doanh nghiệp năm 2021 (2,7%) thấp hơn nhiều so với vốn chủ sở hữu cho thấy rằng, rủi ro thanh toán của doanh nghiệp thấp nhưng chi phí vốn cao vì thế đem lại lợi nhuận thấp. Tương tự năm 2022 tỷ lệ nợ tăng lên 11,8% nhưng vẫn thấp hơn tỷ lệ tài trợ.

Tỷ lệ tự tài trợ cao nhất vào năm 2021 (97,3%) và thấp nhất năm 2023 (64,9%) nó có xu hướng giảm mạnh qua 3 năm. Cụ thể năm 2022 giảm 11,8% so với năm 2021. Năm 2023 giảm mạnh 20,6% so với năm 2022.

c. Tình hình doanh thu, lợi nhuận:

Bảng 2.3. Tình hình doanh thu, lợi nhuận

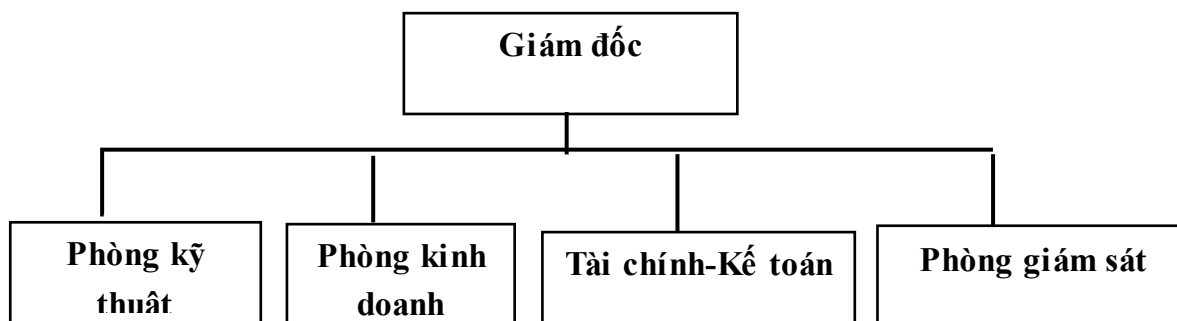
Chỉ tiêu	2021	2022	2023	Chênh lệch năm 2022/2021	Chênh lệch năm 2023/2022
				% chênh lệch	% chênh lệch
DTBH và CCDV (DTT)	16,380,553,619	19,827,550,635	20,013,895,029	21.0%	0.9%
GVHB	14,532,826,776	17,507,842,786	18,516,152,498	20.5%	5.8%
LN gộp về BH và CCDV	1,847,726,843	2,319,707,849	1,497,742,531	25.5%	-35.4%

Doanh thu có xu hướng tăng lên trong 3 năm. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cao nhất là năm 2023 và thấp nhất là 2021. Tuy nhiên lợi nhuận gộp năm 2022 cao

hơn so với năm 2021 nhưng lại bị giảm khi đến năm 2023. Vì giá vốn hàng bán năm 2023 cao hơn so với 2021.

2.4. TỔ CHỨC QUẢN LÝ KINH DOANH

2.4.1. Tổ chức bộ máy quản lý



Sơ đồ 2.1. Sơ đồ bộ máy tổ chức của công ty

2.4.2. Chức năng và nhiệm vụ của từng bộ phận

Giám đốc:

Là người đại diện pháp luật của công ty, có quyền quyết định mọi công việc của công. ty, có chức năng lãnh đạo, định hướng và điều hành hoạt động của đơn vị.

Là người phê duyệt mọi quyết định kinh doanh, ký kết các hợp đồng kinh tế và xây dựng mối quan hệ lâu dài với đối tác của công ty.

Giám đốc đưa ra các quyết định chiến lược liên quan đến thị trường, sản phẩm/dịch vụ đầu tư và phát triển tổ chức.

Phòng kinh doanh:

Đảm nhận công việc tham mưu, ra các đề xuất, ý kiến về phur hướng kinh doanh, phân phối sản phẩm trên thị trường để tiếp cận gần hơn với khách hàng tiềm năng nhằm thúc đẩy quá trình tiêu thụ sản phẩm.

Thiết lập mối quan hệ, đàm phán, phản hồi với đối tác và khách hàng. Tìm hiểu, nghiên cứu sản phẩm, giá cả trên thị trường để định giá sản phẩm khi bán hàng và tìm nguồn cung hàng hóa cho doanh nghiệp phục vụ hoạt động kinh doanh

Phòng kỹ thuật:

Thực hiện công việc nghiên cứu, bảo hành, sửa chữa các thiết bị, máy móc của đơn vị và khách hàng.

Tài chính – kế toán:

Mỗi ngày thực hiện việc thu thập và lập các hoá đơn, chứng từ của các hoạt động kinh tế, tài chính phát sinh trong đơn vị. Đồng thời, theo dõi số dư đầu kỳ, cuối kỳ và định khoản các số phát sinh trong kỳ vào các sổ và tài khoản liên quan.

Quản lý, ghi chép mọi luồng tiền ra, vào và biến động tài sản của đơn vị.

Bên cạnh đó, đóng góp ý kiến kiến và quản lý tình hình tài chính của công ty. Đảm bảo các nghiệp vụ pháp sinh được ghi nhận đầy đủ, kịp thời, chính xác, đảm bảo công tác kế toán được thực hiện đúng theo chuẩn mực kế toán.

Phòng giám sát:

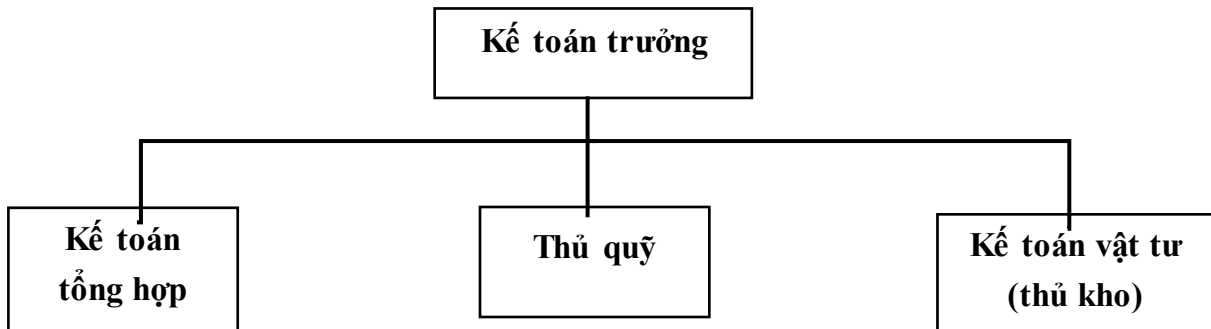
Quản lý hồ sơ, hợp đồng kinh tế kết hợp với việc kiểm tra, giám sát kho về chất lượng và tình trạng hàng hoá.

Xác định các rủi ro trong doanh nghiệp để đề xuất các biện pháp giảm thiểu hoặc loại bỏ rủi ro.

Kiểm tra và báo cáo các kết quả kiểm tra cho các bộ phận để cải thiện vấn đề vướng mắc.

2.5. TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN AN XUÂN PHÁT

2.5.1. Tổ chức bộ máy kế toán



Kế toán trưởng:

Quản lý và giám sát các hoạt động của kế toán trong bộ phận.

Lập kế hoạch cho các hoạt động thu chi bao gồm cả việc phân bổ, dự toán ngân sách cho các hoạt động ấy.

Cuối kỳ thực hiện các bút toán cuối kỳ, kết chuyển số liệu để lập các sổ và báo cáo tài chính. Chịu trách nhiệm về tính kịp thời, trung thực, khách quan và có thể so sánh được của số liệu trên báo cáo.

Cuối mỗi quý, báo cáo số liệu của các báo cáo mà ban giám đốc yêu cầu để họ đưa ra quyết định kinh doanh hiệu quả.

Kiểm tra sự phát sinh của các chứng từ và phê duyệt vào các chứng từ thu, chỉ liên quan đến hoạt động mua, bán hàng hoá, các chi phí, thuế trong đơn vị.

Kế toán tổng hợp:

Lập chứng từ của các nghiệp vụ phát sinh trong công ty và tính toán các chi phí trong doanh nghiệp và cân đối giá trị hàng bán ra, hỗ trợ việc định giá để hoạt động kinh có hiệu quả.

Lập tờ khai thuế, quyết toán thuế, xử lý các vấn đề về thuế để đảm bảo doanh nghiệp tuân thủ các quy định về thuế theo pháp luật.

Thực hiện thu thập, tính toán và ghi chép kịp thời để phản ánh một cách đầy đủ, chính xác các nghiệp vụ phát sinh.

Theo dõi, ghi chép các khoản công nợ khách hàng, công nợ nhà cung cấp các khoản vay ngắn hạn và dài hạn. Thực hiện kiểm tra tổng hợp công nợ thường xuyên để đảm bảo thu hồi nợ đúng hạn và kịp thời trả các khoản nợ.

Thủ quỹ:

Chịu trách nhiệm thân đối, quản lý dòng tiền của đơn vị,

Lập và ghi nhận các chứng từ bao gồm phiếu thu, phiếu chi đảm bảo tính chính xác và đầy đủ số lượng tiền mặt thực tế và dữ liệu tiền trên hệ thống kế toán của đơn vị.

Thực hiện các giao dịch tài chính như thanh toán, nhận tiền và gửi tiền đảm bảo tính chính xác, đúng hạn và tuân thủ pháp luật.

Tham gia vào quá trình chuẩn bị báo cáo tài chính, cung cấp thông tin hỗ trợ quản lý trong quá trình ra quyết định về chính sách tiền của đơn vị.

Kế toán vật tư (Thủ kho):

Quản lý các hoạt động nhập kho, xuất kho, kiểm kê và theo dõi hàng hóa, vật tư trong kho đảm bảo tính chính xác đầy đủ số lượng và chất lượng hàng hóa.

Khi nghiệp vụ liên quan đến biến động tài sản phát sinh, kế toán kịp thời lập các phiếu nhập kho, đảm bảo tính chính xác và đầy đủ của dữ liệu kho trong hệ thống kế toán.

Tính toán giá vốn vật tư và đánh giá giá trị vật tư, hàng hóa trong kho.

Hỗ trợ quá trình đặt hàng: kiểm tra chất lượng và số lượng vật tư; hỗ trợ quá trình bán hàng: kiểm tra hợp đồng cung cấp đảm bảo tính chính xác và đúng hạn của hoạt động cung cấp hàng hóa đến khách hàng.

2.5.2. Chính sách kế toán, hình thức ghi sổ trong Công ty An Xuân Phát

Áp dụng Thông tư 133/2016/TT-BTC.

Phương pháp kế toán: theo hình thức Nhật ký chung.

- Phương pháp tính giá vốn hàng bán: là phương pháp tính giá sau mỗi lần nhập.

- Chính sách khấu hao: Theo phương pháp đường thẳng. Báo cáo định kì theo niên độ: Từ - ngày 01/01 đến ngày 31/12.

- Chính sách về việc hạch toán thuế: hạch toán kê khai thuế theo quý, theo phương pháp khấu trừ.

- Phần mềm kế toán được đơn vị sử dụng: 1C: Finance & Accounting

2.5.3. Quy trình xử lý dữ liệu chung

Hằng ngày, kế toán phải thu thập các chứng từ liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty bao gồm hoá đơn, hợp đồng kinh tế, phiếu thu/chi... Tùy theo nội dung nghiệp vụ mà sẽ có những loại chứng từ khác nhau.

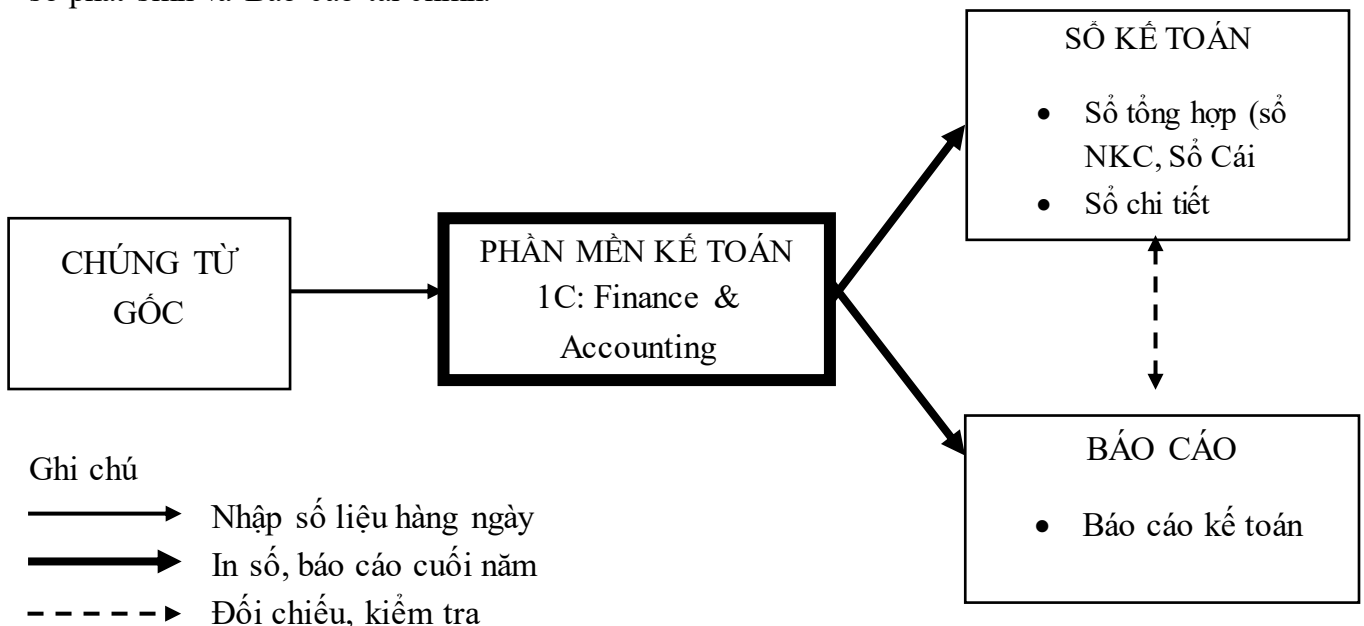
Sau khi thu thập chứng từ liên quan đến nghiệp vụ kinh tế phải sắp xếp chúng theo ngày phát sinh và phân loại theo nội dung kinh tế. Căn cứ vào chứng từ kế toán, kế toán ghi nhận thông tin các nghiệp vụ trong chứng từ

Vào các từng phân hệ trên phần mềm. Các dữ liệu nghiệp vụ sẽ được phần mềm tự động chuyển sang số Cái, số chi tiết tương ứng với các tài khoản được nhập vào chứng từ trên phần mềm.

Định kỳ, kế toán tiến hành kiểm tra và sửa lỗi để đảm bảo tính chính xác của dữ liệu.

Thực hiện khóa sổ vào cuối mỗi kỳ để tính tổng số phát sinh và số dư của từng tài khoản trên sổ cái. Sau đó thực hiện đối chiếu giữa sổ Cái, Nhật ký chung với số chi tiết các tài khoản và sổ quỹ xem có khớp đúng hay không.

Nếu số liệu giữa các sổ khớp đúng với nhau thì kế toán tiến hành lập Bảng cân đối số phát sinh và Báo cáo tài chính.



Sơ đồ 2.3. Trình tự ghi theo hình thức sổ kế toán trên phần mềm kế toán

2.5.4. Mối quan hệ của phòng kế toán với từng phòng ban

Phòng kinh doanh:

Kế hoạch và đưa ra các quyết định kinh doanh phù hợp. - Kế toán theo dõi các khoản công nợ khách hàng, ghi nhận các khoản doanh thu chưa được thanh toán để thông báo với phòng kinh doanh để liên hệ, đối thoại với khách hàng và giải quyết các vấn đề công nợ đảm bảo tính khách quan và công bằng trong giao dịch.

Cung cấp thông tin về tiền và tài sản để phòng kinh doanh đưa ra các quyết định kinh doanh.

Hỗ trợ phòng kinh doanh định giá hàng hóa, dịch vụ của công ty, đưa ra các đề xuất về giá cả, chiết khấu phù hợp.

Phòng kỹ thuật:

Phòng kế toán tính giá thành dịch vụ để đưa ra giá cả hợp lý và có lợi nhuận.

Kế toán ghi nhận các nghiệp vụ dịch vụ kỹ thuật của phòng kỹ thuật bao gồm các khoản thu, chi, theo dõi, nhắc nhở việc hoàn tất hợp đồng dịch vụ. Điều này giúp đảm bảo số liệu kế toán liên quan đến hoạt động kỹ thuật

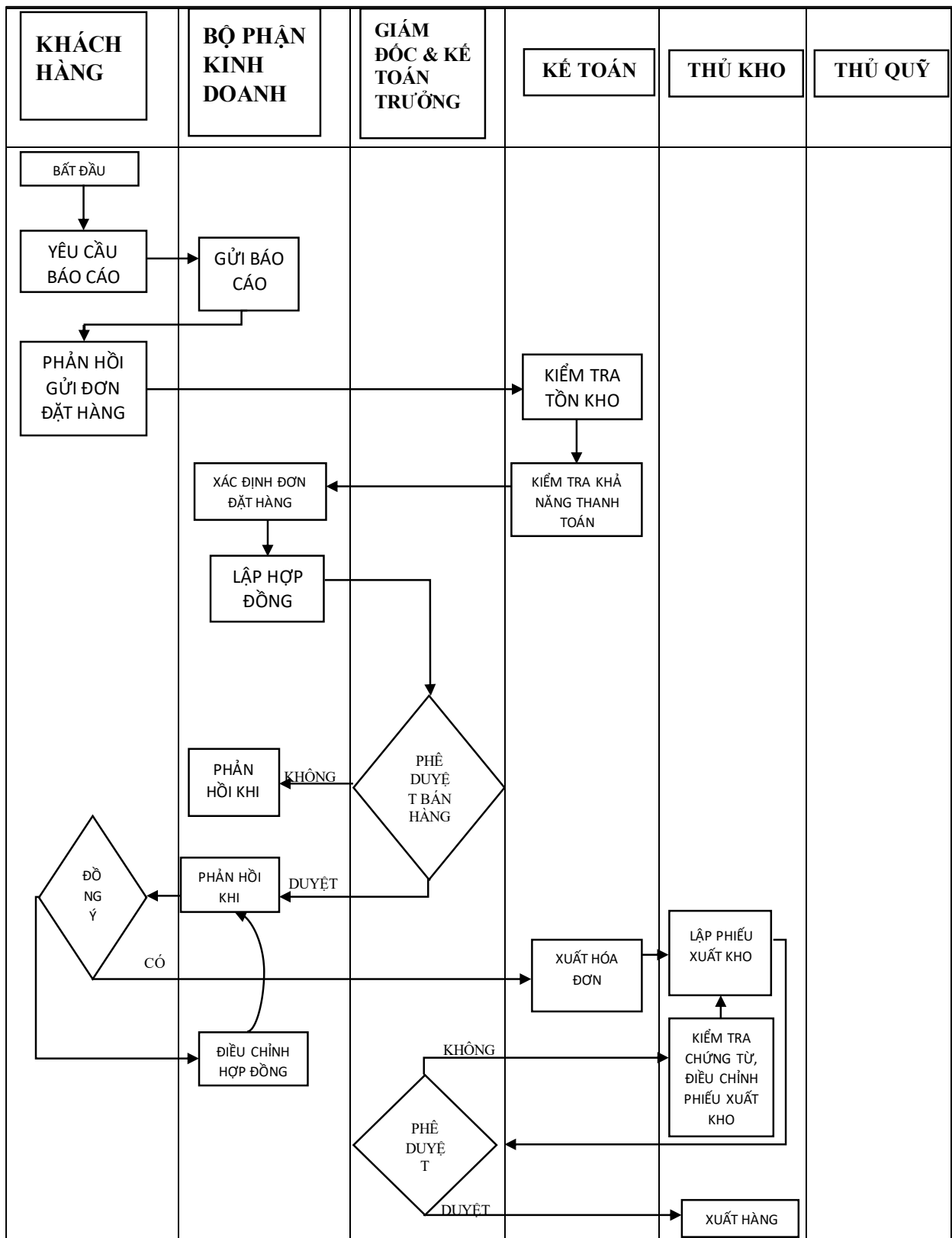
Phòng giám sát:

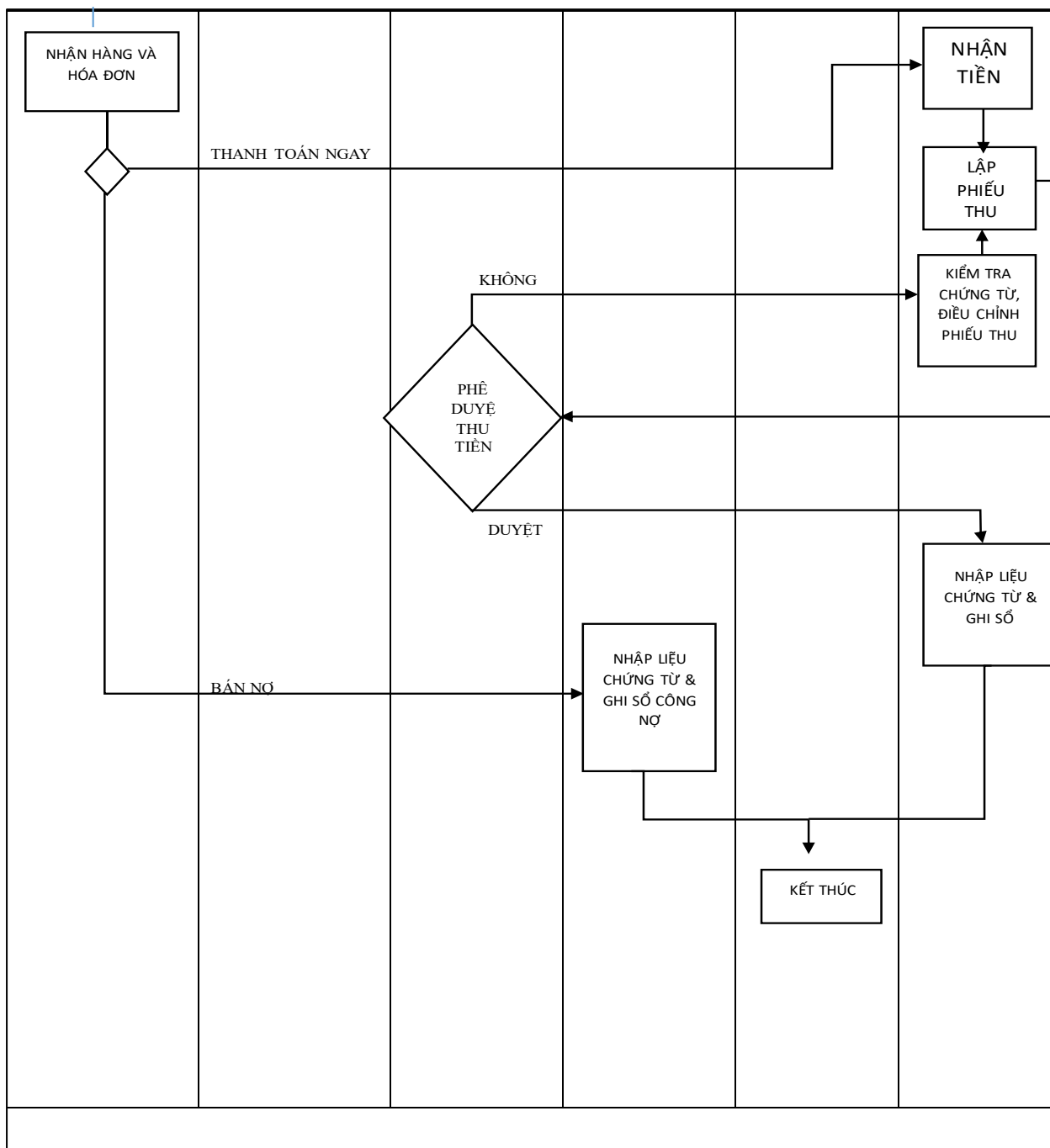
Kế toán hỗ trợ phòng giám sát kiểm tra, đối chiếu chứng từ, hỗ trợ phòng giám sát trong quá trình kiểm toán nội bộ, giảm thiểu rủi ro từ việc đối chiếu chứng từ hoặc chuẩn bị các tài liệu kiểm toán, cung cấp thông tin hoặc giải đáp hỗ trợ cho việc kiểm toán công ty.

Hỗ trợ công tác phát hiện và ngăn chặn các hành vi gian lận.

2.6. KẾ TOÁN NGHIỆP VỤ BÁN HÀNG

2.6.1. Quy trình nghiệp vụ bán hàng





Sơ đồ 2.4. Sơ đồ quy trình bán hàng

a. Diễn giải:

Khách hàng khi có nhu cầu về các thiết bị tin học văn phòng văn phòng liên hệ tới phòng kinh doanh và yêu cầu báo giá. phòng kinh doanh sau khi nhận được yêu cầu báo giá sẽ gửi báo giá và chờ khách hàng phản hồi bằng đơn đặt hàng.

Kế toán để kiểm tra khả năng thanh toán và hạn mức tín dụng của khách hàng. Nếu khách hàng có đủ tài chính để thanh toán (không có khoản nợ xấu nào), phòng kinh doanh sẽ liên lạc lại với khách hàng để đảm bảo rằng khách hàng đã đặt hàng đúng nhu cầu của mình và xác nhận lại giá cả.

Kế toán căn cứ vào thông tin đặt hàng của khách hàng mà phòng kinh doanh cung cấp để lập hợp đồng bán hàng và đưa cho giám đốc phê duyệt sau đó thực hiện xuất hoá

đơn bán hàng, thủ kho cũng được nhận một bản để tiến hàng chuẩn bị, xuất kho hàng hoá.

Vào ngày giao hàng, thủ kho lập Phiếu Xuất Kho để giám đốc và kế toán trưởng phê duyệt trước khi thủ kho xuất hàng. Khi xuất hàng phải có sự kiểm tra của giám sát về số lượng và chất lượng hàng hoá đảm bảo hàng được giao đến cho khách hàng đúng quy cách, chủng loại.

Trường hợp không nhận được phê duyệt Phiếu Xuất Kho của giám đốc và kế toán trưởng do không có đủ chứng từ để minh chứng cho việc xuất kho hoặc các thông tin trên Phiếu Xuất Kho bị thiếu hoặc không chính xác. Kế toán vật tư phải kiểm tra lại các chứng từ liên quan hoặc điều chỉnh lại Phiếu Xuất Kho cho đúng.

Một bản sao của hoá đơn GTGT sẽ đưa cho nhân viên giao hàng để căn cứ thu tiền và gửi khách hàng (hoặc đưa trực tiếp cho khách hàng).

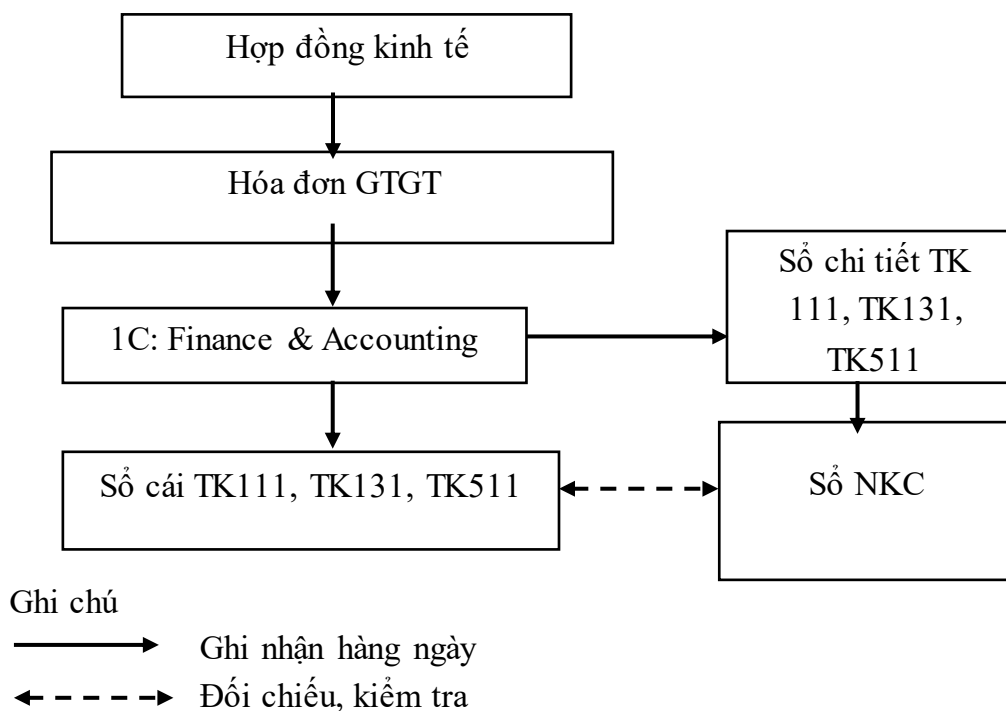
Sau khi nhận được tiền thủ quỹ tiến hành lập phiếu thu và chuyển cho kế toán trưởng kiểm tra, đối chiếu giữa hoá đơn, số tiền nhận được với phiếu thu để tiến hành ký duyệt sau đó giám đốc ký duyệt phiếu thu. Các chứng từ được thủ quỹ thu thập và nhập liệu nghiệp vụ và hạch toán trên phần mềm bán hàng của phần mềm. Nếu giám đốc và kế toán trưởng không phê duyệt phiếu thu do số tiền trên phiếu thi không đúng như trên Hóa đơn GTGT hoặc không đầy đủ chứng từ minh chứng cho việc thu tiền hay hóa đơn không có đầy đủ thông tin và chính xác thì thủ quỹ cần kiểm tra lại các chứng từ hoặc điều chỉnh lại phiếu thu cho đúng trước khi đưa cho cấp trên phê duyệt lại, Đối với hoá đơn bán nợ, kế toán tổng hợp căn cứ vào Phiếu Xuất Kho và hoá đơn bán hàng, hợp đồng bán hàng có sự phê duyệt của cấp quản lý có thẩm quyền để nhập liệu nghiệp vụ và định khoản trên phần mềm với tài khoản công nợ liên quan.

b. Chứng từ:

- Hoá đơn GTGT.
- Phiếu thu.
- Hợp đồng kinh tế.
- Đơn đặt hàng.
- Báo giá.
- Phiếu xuất kho

c. Sổ kế toán: Từ quá trình định khoản nghiệp vụ, phần mềm sẽ tự động cập nhật số liệu vào số Cái TK 1111, TK 1311, TK 1561, TK 5111, TK 33311 và sổ chỉ tiết cùng TK

c. Quy trình ghi sổ kế toán bán hàng:



Sơ đồ 2.5. Sơ đồ ghi sổ quy trình bán hàng

2.6.2. Quy trình bán hàng của công ty

Chứng từ hạch toán:

Bảng báo giá

Các hợp đồng bán hàng

Phiếu xuất kho

Biên bản giao nhận hàng hóa

Phiếu Thu

Nghiệp vụ minh họa: ngày 08/07/2023

Ngày 03/07/2023 Công ty TNHH TV và XD Đại Phong Tây Nguyên mua số lượng hàng hóa trong bảng báo giá.

- Sau khi có bảng báo giá công ty lập hợp đồng mua bán hàng hóa ngày 03/07/2023

- Sau khi 2 bên đã thống nhất HĐ bán hàng, ngày 08/07/2023 Công Ty xuất kho bán hàng theo hợp đồng bán hàng có thuế GTGT là 8% vào ngày 03/07/2023

Định khoản nghiệp vụ:

Nợ TK 1111 : 9.763.559

Có TK 5111 : 9.040.332

Có TK 3331(8%) : 723.227

- Sau khi công ty TNHH TV và XD Đại Phong Tây Nguyên nhận được hàng hóa và làm biên bản giao nhận

- Sau khi có biên bản giao nhận Công ty lập phiếu thu thu tiền của công ty TNHH TV và XD Đại Phong Tây Nguyên

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN AN XUÂN PHÁT
Địa chỉ: 330 Sư Vạn Hạnh, Phường Duy Tân, TP Kon Tum, Tỉnh Kon Tum
Đại diện bởi: Ông Lương Tấn Xuân – Chức vụ: Giám đốc
Mã số thuế: 6101 272 113 – Số ĐT: 0924 85 7777

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: **CÔNG TY TNHH TV VÀ XD ĐẠI PHONG TÂY NGUYÊN**

Địa chỉ: số nhà 11 Đào Duy Từ, Phường Trường Chinh, TP Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

Công ty chúng tôi xin trân trọng gửi đến Quý khách hàng báo giá vật tư các hạng mục sản phẩm như sau:

STT	Tên mặt hàng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
01	Quạt trần đảo Senko TD105	Cái	15	306.900	4.603.500
02	Quạt treo Senko TC1688	Cái	10	260.400	2.604.000
03	Đèn Led búp trụ nhôm nguyên khối 30W	Cái	44	22.600	994.400
04	Bảng điện B14-213	Cái	13	28.039	364.507
05	Bảng điện B14-223	Cái	15	31.595	473.925
Cộng tiền hàng					9.040.332
Thuế GTGT (8%)					723.227
Tổng tiền thanh toán:					9.763.559

012
CÔNG
ĐÁ
PH
AN X
TỈNH



Kon Tum, ngày 03 tháng 07 năm 2023

GIÁM ĐỐC
Lương Tấn Xuân

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Quạt trần đảo SenKo TD105	Cái	15	306.900	4.603.500
2	Quạt treo SenKo TC1688	Cái	10	260.400	2.604.000
3	Đèn led búp trụ nhôm nguyên khối 30W	Cái	44	22.600	994.400
4	Bảng điện B14-213	Cái	13	28.039	364.507
5	Bảng điện B14-223	Cái	15	31.595	473.925
Cộng tiền hàng					9.040.332
Thuế GTGT (8%)					723.227
Tổng tiền thanh toán					9.763.559

- Giá trị hợp đồng: **9.763.559 (VND)**. Bằng chữ: *Chín triệu bảy trăm sáu mươi ba nghìn năm trăm năm mươi chín đồng.*

ĐIỀU 2: CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA

- 2.1 Hàng hóa đảm bảo chất lượng, tiêu chuẩn của nhà sản xuất, hồ sơ công bố, phù hợp các quy định pháp luật và thỏa thuận của Hai Bên.
- 2.2 Bao bì hàng hóa còn nguyên vẹn. Đóng gói hàng hóa phù hợp với quá trình vận chuyển.
- 2.3 Tại thời điểm Bên A giao hàng, hàng hóa còn nguyên vẹn, đảm bảo chất lượng theo quy định của pháp luật và tiêu chuẩn của nhà sản xuất.

ĐIỀU 3: ĐỊA ĐIỂM – THỜI GIẠN - PHƯƠNG THỨC GIAO NHẬN

- 3.1 Hàng hóa có thể giao một lần hay nhiều lần tùy theo hai bên thỏa thuận và khả năng cung cấp của Bên B. Bằng chứng giao nhận hàng gồm có: Hóa đơn bán hàng hợp lệ hoặc Biên bản giao nhận hàng hóa ghi rõ chủng loại, số lượng hàng giao.
- 3.2 Địa điểm giao hàng: Tại kho bên mua.
- 3.3 Thời gian giao nhận hàng do Hai Bên thống nhất trong từng lần đặt hàng.

ĐIỀU 4: THỜI HẠN VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

- 4.1. Thời hạn thanh toán: Bên B thanh toán cho Bên A 100% giá trị đơn hàng trước khi bên A giao hàng.
- 4.2. Hình thức thanh toán: Bên B thanh toán bằng hình thức tiền mặt hoặc chuyển khoản.

ĐIỀU 5: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

7.2. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký. Hợp đồng này xem như được thanh lý sau khi Bên A thực hiện xong nghĩa vụ giao hàng và Bên B thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán.

7.3. Hợp đồng này được lập thành 02 bản, Bên A giữ 01 bản, Bên B giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN BÁN

LƯƠNG TẤN XUÂN

ĐẠI DIỆN BÊN MUA

HA PHONG ĐẠI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

BIÊN BẢN GIAO NHẬN HÀNG HÓA

Hôm nay ngày tháng 07 năm 2023 Chúng tôi gồm có:

BÊN GIAO HÀNG: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN AN XUÂN PHÁT

- Địa chỉ: 330 Sư Vạn Hạnh, P Duy Tân, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

- MST: 6101272113

- Số điện thoại: 0924857777

BÊN NHẬN HÀNG: CÔNG TY TNHH TV VÀ XD ĐẠI PHONG TÂY NGUYÊN

- Địa chỉ: Số nhà 11 Đào Duy Từ, P. Trường Chinh, TP Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

- MST: 6101189391

ĐT:

- Đại diện nhận hàng:

- Địa điểm giao hàng: Số nhà 11 Đào Duy Từ, P. Trường Chinh, TP Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

Bên bán bán hàng cho bên mua, bên bán giao cho bên mua số lượng hàng như sau:

1/ Tên hàng, số lượng

STT	Tên mặt hàng	Đơn vị tính	Số lượng giao	Số lượng thực nhận	Ghi chú
1	Quạt trần đảo SenKo TD105	Cái	15	15	
2	Quạt treo SenKo TC1688	Cái	10	10	
3	Đèn led búp trụ nhôm nguyên khối 30W	Cái	44	44	
4	Bảng điện B14-213	Cái	13	13	
5	Bảng điện B14-223	Cái	15	15	

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO HÀNG

(Ký, ghi rõ họ tên)



GIÁM ĐỐC
Lương Tấn Xuân

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN HÀNG

(Ký, ghi rõ họ tên)



GIÁM ĐỐC
Hà Phong Đại

Đơn vị: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN AN XUÂN PHÁT
Bộ phận: 330 Sư Vạn Hạnh, Phường Duy Tân, TP Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

Mẫu số 01-TT
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

PHIẾU THU

Ngày tháng năm 2023

Số: _____
Số: 632, 1111,
Có: 5111, 156, 33311,

Họ và tên người nộp tiền: CÔNG TY TNHH TV VÀ XD ĐẠI PHONG TÂY NGUYÊN

Địa chỉ: Số nhà 11 Đào Duy Từ, P. Trường Chinh, TP Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

Lý do: DTHU BÁN HÀNG

Số tiền: 9.763.559

Bằng chữ: Chín triệu bảy trăm sáu mươi ba nghìn năm trăm năm mươi chín đồng

Kèm theo: _____

Ngày tháng năm 2023

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán

(Ký, họ tên)

Người nộp tiền

(Ký, họ tên)

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Thủ quỹ

(Ký, họ tên)



Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):

Trương Chí Sĩ

Đại Phong Đại

TÊN CỤC THUẾ:.....		Mẫu số: 01GTKT3/001			
HÓA ĐƠN					
GIÁ TRỊ GIA TĂNG					
Liên 1: Lưu				Ký hiệu: 01AA/11P	
Ngày.....tháng.....năm 2023...				Số: PT0209	
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Đầu Tư và Phát Triển An Xuân Phát.....					
Mã số thuế:6101272113.....					
Địa chỉ: Số 330 Sư Vạn Hạnh, Phường Duy Tân, Tp. Kon Tum . Số tài khoản.....					
Điện thoại:.....					
Họ tên người mua hàng:HÀ PHONG ĐẠT.....					
Tên đơn vị. Công ty TNHH TV và XD Đại Phong Tây Nguyên					
Mã số thuế:61011189391.....					
Địa chỉ: Số 11 Đào Duy Từ, P. Trường Chinh, Tp. Kon Tum _ Số tài khoản.....					
ST T	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Quạt trần đảo SenKon TD 105	Cái	15	306.900	4.603.500
2	Quạt trần Senko TC1688	Cái	10	260.400	2.604.000
3	Đèn led búp trụ nhôm nguyên khối 30W	Cái	44	22.600	994.400
4	Bảng điện B14-213	Cái	13	28.039	364.507
5	Bảng điện B14-223	Cái	13	31.595	473.925
Tổng cộng hàng:				9.040.332	
Thuế suất GTGT: 8 % , Tiền thuế GTGT:				723.227	
Tổng cộng tiền thanh toán				9.763.559	
Số tiền viết bằng chữ: <i>Chín triệu bảy trăm sáu mươi ba nghìn năm trăm năm mươi chín đồng</i>					
Người mua hàng			Người bán hàng		
(Ký, ghi rõ họ, tên)			(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)		
LƯƠNG TẤN XUÂN			HÀ PHONG ĐẠI		
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)</i>					

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 5111 Doanh thu bán hàng hóa

01.07.2023 - 31.07.2023

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	Số	Ngày			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	G
			Số dư đầu kỳ:	x	x	x		
03.07.2023	BH0247	03.07.2023	Doanh thu bán hàng	1311		16.596.594		16.596.594
05.07.2023	PT0208	05.07.2023	Doanh thu bán hàng	1111		2.552.000		19.148.594
08.07.2023	PT0209	08.07.2023	Doanh thu bán hàng + HĐ số 253 tăng thuế suất	1111		9.040.332		28.188.926
08.07.2023	PT0210	08.07.2023	Doanh thu bán hàng	1111		1.839.600		30.028.526
08.07.2023	PT0211	08.07.2023	Doanh thu bán hàng	1111		9.177.800		39.206.326
08.07.2023	PT0212	08.07.2023	Doanh thu bán hàng + HĐ 254 tăng tiền thuế	1111		1.179.350		40.385.676
08.07.2023	PT0213	08.07.2023	Doanh thu bán hàng	1111		3.957.800		44.343.476
11.07.2023	PT0214	11.07.2023	Doanh thu bán hàng	1111		1.913.940		46.257.416
11.07.2023	PT0215	11.07.2023	Doanh thu bán hàng	1111		18.246.228		64.503.644
12.07.2023	PT0216	12.07.2023	Doanh thu bán hàng	1111		18.328.254		82.831.898
12.07.2023	BH0257	12.07.2023	Doanh thu bán hàng	1311		138.909.600		221.741.498
12.07.2023	PT0217	12.07.2023	Doanh thu bán hàng	1111		15.725.454		237.466.952
12.07.2023	PT0218	12.07.2023	Doanh thu bán hàng	1111		573.652		238.040.604
14.07.2023	PT0219	14.07.2023	BÁN HÀNG	1111		4.593.456		242.634.060
14.07.2023	PT0220	14.07.2023	Doanh thu bán hàng	1111		11.112.960		253.747.020
14.07.2023	BH0262	14.07.2023	Doanh thu bán hàng	1311		14.441.112		268.188.132
15.07.2023	PT0221	15.07.2023	Bán hàng	1111		16.920.000		285.108.132
17.07.2023	PT0222	17.07.2023	Doanh thu bán hàng	1111		5.241.818		290.349.950
19.07.2023	PT0223	19.07.2023	BÁN HÀNG	1111		1.148.370		291.498.320
19.07.2023	BH0266	19.07.2023	Doanh thu bán hàng	1311		309.582.392		601.080.712
24.07.2023	BH0267	24.07.2023	Doanh thu bán hàng	1311		231.648.088		832.728.800
24.07.2023	BH0268	24.07.2023	Doanh thu bán hàng	1311		57.062.264		889.791.064
25.07.2023	PT0224	25.07.2023	DT bán hàng	1111		2.007.400		891.798.464
27.07.2023	PT0225	27.07.2023	Doanh thu bán hàng	1111		3.736.740		895.535.204
29.07.2023	PT0226	29.07.2023	DT BÁN HÀNG	1111		2.551.920		898.087.124
31.07.2023	PT0227	31.07.2023	DT BÁN HÀNG	1111		1.339.600		899.426.724
31.07.2023	00000000008	31.07.2023		9111	899.426.724			
			Số phát sinh trong kỳ	x	899.426.724	899.426.724	x	x
			Số dư cuối kỳ:	x	x	x		

Hình 2.1. Sổ chi tiết TK 511- Doanh thu bán hàng hóa

SỔ CÁI (NHẬT KÝ CHUNG)									
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ									
Tài khoản: 511 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ									
01.07.2023 - 31.07.2023									
Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TK đối ứng	Số phát sinh		
	Số	Ngày		Trang số	STT dòng		Nợ	Có	
A	B	C	D	D	E	F	1	2	
Số dư đầu kỳ:					x	x			
Số phát sinh trong tháng:									
07.2023									
03.07.2023	BH0247	03.07.2023	Doanh thu bán hàng		1	1311		16,596,594	
05.07.2023	PT0208	05.07.2023	Doanh thu bán hàng		2	1111		2,552,000	
08.07.2023	PT0209	08.07.2023	Doanh thu bán hàng + HĐ số 253 tăng thuế suất		3	1111		9,040,332	
08.07.2023	PT0210	08.07.2023	Doanh thu bán hàng		4	1111		1,839,600	
08.07.2023	PT0211	08.07.2023	Doanh thu bán hàng		5	1111		9,177,800	
08.07.2023	PT0212	08.07.2023	Doanh thu bán hàng + HĐ 254 tăng tiền thuế		6	1111		1,179,350	
08.07.2023	PT0213	08.07.2023	Doanh thu bán hàng		7	1111		3,957,800	
11.07.2023	PT0214	11.07.2023	Doanh thu bán hàng		8	1111		1,913,940	
11.07.2023	PT0215	11.07.2023	Doanh thu bán hàng		9	1111		18,246,228	
12.07.2023	PT0217	12.07.2023	Doanh thu bán hàng		12	1111		15,725,454	
12.07.2023	PT0218	12.07.2023	Doanh thu bán hàng		13	1111		573,652	
14.07.2023	PT0219	14.07.2023	BÁN HÀNG		14	1111		4,593,456	
14.07.2023	PT0220	14.07.2023	Doanh thu bán hàng		15	1111		11,112,960	
14.07.2023	BH0262	14.07.2023	Doanh thu bán hàng		16	1311		14,441,112	
15.07.2023	PT0221	15.07.2023	Bán hàng		17	1111		16,920,000	
17.07.2023	PT0222	17.07.2023	Doanh thu bán hàng		18	1111		5,241,818	
19.07.2023	PT0223	19.07.2023	BÁN HÀNG		19	1111		1,148,370	
19.07.2023	BH0266	19.07.2023	Doanh thu bán hàng		20	1311		309,582,392	
24.07.2023	BH0267	24.07.2023	Doanh thu bán hàng		21	1311		231,648,088	
24.07.2023	BH0268	24.07.2023	Doanh thu bán hàng		22	1311		57,062,264	
25.07.2023	PT0224	25.07.2023	DT bán hàng		23	1111		2,007,400	
27.07.2023	PT0225	27.07.2023	Doanh thu bán hàng		24	1111		3,736,740	
29.07.2023	PT0226	29.07.2023	DT BÁN HÀNG		25	1111		2,551,920	
31.07.2023	PT0227	31.07.2023	DT BÁN HÀNG		26	1111		1,339,600	
31.07.2023	00000000008	31.07.2023			27	9111		899,426,724	
- Tổng số trong tháng:								899,426,724	899,426,724
- Số dư cuối tháng:									
- Cộng lũy kế từ đầu quý:								899,426,724	899,426,724

Sổ này có trang, đánh số từ trang 01 đến trang

Ngày mở sổ:

Người ghi sổ (Ký, họ tên)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người đại diện theo pháp luật (Ký, họ tên, đóng dấu)
------------------------------	--------------------------------	---

Hình 2.2. Sổ cái (nhật ký chung) TK511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

2.6.3. Kế toán giá vốn bán hàng

Phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động bán hàng và quản lý doanh nghiệp.

Tài khoản sử dụng: TK 632

Chứng từ sổ sách sử dụng: phiếu chi, giấy báo Có

Sổ Sách: sổ chi tiết TK 632, sổ cái (nhật ký chung) TK 632

Nghiệp vụ minh họa:

Nghiệp vụ:

Công ty ngày 08/07/2023 chi tiền để quảng cáo sản phẩm

Định khoản:

Nợ TK 632 : 8.479.353

Có TK 1111: 8.479.353

Đơn vị: Công Ty TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN AN XUÂN PHÁT	Mẫu số 02 - TT
Địa chỉ: số 330 Sư Vạn Hạnh, P.Duy Tân, TP. Kon Tum	(Ban hành theo Thông tư số: 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của BTC)

PHIẾU CHI

Quyển số:.....

Ngày 08 tháng 07 năm 2023

Số :00025.....

Nợ :.....

Có :.....

Họ và tên người nhận tiền: Trần Thị Huyền Trang.....

Địa chỉ:

Lý do chi: Chi phí quảng cáo

Số tiền:8.479.353đ

Kèm theo Chứng từ gốc:



Ngàythángnăm				
Giám đốc	Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập phiếu	Người nhận tiền
	Bùi Thị Bích Thủy		Phan Hạ Yên	
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ) :.....

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:.....

Hình 2.3. Phiếu chi ngày 08/07/2023- phiếu chi cho chi phí quảng cáo

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 632 Giá vốn hàng bán

01.07.2023 - 31.07.2023

Ngày, tháng ghi số A	Chứng từ		Diễn giải D	TK đối ứng E	Số phát sinh		Số dư	
	Số B	Ngày C			Nợ 1	Có 2	Nợ 3	Có G
			Số dư đầu kỳ:	x	x	x		
03.07.2023	00000000008	31.07.2023		156	15.428.835		15.428.835	
05.07.2023	00000000008	31.07.2023		156	2.375.237		17.804.072	
08.07.2023	00000000008	31.07.2023		156	8.479.353		26.283.425	
08.07.2023	00000000008	31.07.2023		156	1.939.489		28.222.914	
08.07.2023	00000000008	31.07.2023		156	8.732.757		36.955.671	
08.07.2023	00000000008	31.07.2023		156	1.145.000		38.100.671	
08.07.2023	00000000008	31.07.2023		156	3.842.600		41.943.271	
11.07.2023	00000000008	31.07.2023		156	1.803.325		43.746.596	
11.07.2023	00000000008	31.07.2023		156	16.642.233		60.388.829	
12.07.2023	00000000008	31.07.2023		156	16.892.282		77.281.111	
12.07.2023	00000000008	31.07.2023		156	117.882.678		195.163.789	
12.07.2023	00000000008	31.07.2023		156	15.725.455		210.889.244	
12.07.2023	00000000008	31.07.2023		156	543.118		211.432.362	
14.07.2023	00000000008	31.07.2023		156	4.327.980		215.760.342	
14.07.2023	00000000008	31.07.2023		156	11.077.863		226.838.205	
14.07.2023	00000000008	31.07.2023		156	12.654.394		239.492.599	
15.07.2023	00000000008	31.07.2023		156	17.064.060		256.556.659	
17.07.2023	00000000008	31.07.2023		156	5.241.818		261.798.477	
19.07.2023	00000000008	31.07.2023		156	1.081.995		262.880.472	
19.07.2023	00000000008	31.07.2023		156	235.118.466		497.998.938	
24.07.2023	00000000008	31.07.2023		156	221.460.831		719.459.769	
24.07.2023	00000000008	31.07.2023		156	53.140.741		772.600.510	
25.07.2023	00000000008	31.07.2023		156	2.030.998		774.631.508	
27.07.2023	00000000008	31.07.2023		156	3.593.272		778.224.780	
29.07.2023	00000000008	31.07.2023		156	2.375.237		780.600.017	
31.07.2023	00000000008	31.07.2023		156	1.251.696		781.851.713	
31.07.2023	00000000008	31.07.2023		9111		781.851.713		
			Số phát sinh trong kỳ	x	781.851.713	781.851.713	x	x
			Số dư cuối kỳ:	x	x	x		

Sổ này có trang, đánh số từ trang 01 đến trang

Ngày mở sổ:

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 22 tháng 04 năm 2024
Người đại diện theo pháp luật
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Hình 2.4. Sổ chi tiết TK 632- giá vốn hàng bán

2.6.4. Kế toán doanh thu và chi phí hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm các khoản thu hoặc khoản lãi liên quan đến các hoạt động tài chính trong công ty, trong đó:

- Tiền lãi bao gồm: Lãi cho vay, lãi tiền gửi, chiết khấu thanh toán,...
- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác
- Lãi tỷ giá hối đoái
- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác

Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính (Đề theo dõi doanh thu hoạt động tài chính của công ty). Cuối kỳ kết chuyển số lợi nhuận từ doanh thu hoạt động tài chính sang TK 911 để xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Chứng từ và sổ sách sử dụng:

Chứng từ dùng để phản ánh doanh thu hoạt động tài chính: Giấy báo Có

Sổ sách sử dụng: Sổ Nhật ký, Sổ chi tiết TK 515, Sổ Cái TK 515

Quy trình luân chuyển chứng từ:

Hàng tháng, ngân hàng mà công ty mở thẻ sẽ chuyển tiền lãi vào tài khoản của công ty và gửi giấy báo có về công ty. Kế toán dựa vào chứng từ giao dịch (Giấy báo Có) tiến hành kiểm tra và ghi sổ nhật ký chung. Sau đó sẽ hạch toán vào sổ cái TK 515 đến cuối kỳ kế toán sẽ kết chuyển sang TK 911 để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

- Nghiệp vụ phát sinh: ngày 14/07/2023 lãi tiền gửi của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư & Phát triển Việt Nam

Nợ TK 1121 : 3.476

Có TK 515 : 3.476

- Giấy báo có và sổ chi tiết TK 515

Đơn vị: BIDV.....

Địa chỉ: KonTum.....

Mẫu số 01 - TT

(Ban hành theo Thông tư số:

133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016

của Bộ trưởng BTC)

GIẤY BÁO CÓ

Ngày 14 tháng 07 năm 2023

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi Có tài khoản của quý khách với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi Có 100012025

Số tiền bằng số 3.476

Kèm theo:

Ngày.....tháng.....năm.....

GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

NGƯỜI LẬP

(Ký, họ tên)

[Giám đốc]

[Kế toán trưởng]

Hình 2.5. Giấy báo có Ngày 14/07/2023

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN								
Tài khoản: 515 Doanh thu hoạt động tài chính								
01.07.2023 - 31.07.2023								
Ngày, tháng ghi số A	Chứng từ		Diễn giải D	TK đối ứng E	Số phát sinh		Số dư	
	Số B	Ngày C			Nợ 1	Có 2	Nợ 3	Có G
			Số dư đầu kỳ:	x	x	x		
14.07.2023	00000000072	14.07.2023	Lãi tiền gửi	1121		3.476		3.476
31.07.2023	00000000008	31.07.2023		9111	3.476			
			Số phát sinh trong kỳ	x	3.476	3.476	x	x
			Số dư cuối kỳ:	x	x	x		

Số này có trang, đánh số từ trang 01 đến trang

Ngày mở sổ:

Người ghi sổ (Ký, họ tên) <Chưa xác định>

Kế toán trưởng (Ký, họ tên) Phan Hạ Yên

Ngày 22 tháng 04 năm 2024
Người đại diện theo pháp luật (Ký, họ tên, đóng dấu) Lương Tấn Xuân

Hình 2.6. Sổ chi tiết TK 515- Doanh thu hoạt động tài chính

2.6.5. Kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

Chứng từ hoạch toán: bảng lương, bảng khấu hao TSCD, Phiếu Thu, Phiếu chi, Hóa đơn, ...

Tài khoản Sử dụng:

TK 6421: Chi phí bán hàng

Nghiệp vụ minh họa:

- Ngày 19/07/2023 công ty mua dầu DO 0.001S-V của công ty Xăng Dầu Kon Tum với số tiền là 1.309.773

Định khoản nghiệp vụ:

Nợ TK 6421 :1.178.795,7

Nợ TK 1311 :130.997,3

Có TK 1111 :1.309.773

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG					
Ngày 19 tháng 07 năm 2023					
Đơn vị bán hàng: CHI NHÁNH XĂNG DẦU KON TUM					
Địa chỉ: Số nhà 06, Đường Phạm Văn Đồng, P. Lê Lợi, TP. Kon Tum, Tỉnh Kon Tum..... Số tài khoản.....					
Điện thoại: MST:					
Họ tên người mua hàng.....					
Tên đơn vị: Công ty TNHH Đầu Tư Và Phát Triển An Xuân Phát.....					
Địa chỉ: Số 330 Sư Vạn Hạnh, Phường Duy Tân, TP Kon Tum, Tỉnh Kon Tum..... Số tài khoản.....					
Hình thức thanh toán:TM MST:					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	DO 0.001S-V	Lít	59,56	19.790,91	1.178.795,7
Thuế suất GTGT:		Cộng tiền hàng:			1.178.795,7
		10 % Tiền thuế GTGT:			130.977,3
Số tiền viết bằng chữ:		Tổng tiền thanh toán:			1.309.773
Một triệu ba trăm lẻ chín nghìn bảy trăm bảy mươi ba đồng					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ, tên)			Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ, tên)		

Hình 2.7. Hóa đơn GTGT ngày 19/07/2023

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 6421 Chi phí bán hàng

01.07.2023 - 31.07.2023

Ngày, tháng ghi số A	Chứng từ		Diễn giải D	TK đối ứng E	Số phát sinh		Số dư	
	Số B	Ngày C			Nợ 1	Có 2	Nợ 3	Có G
Số dư đầu kỳ:				x	x	x		
04.07.2023	PC0204	04.07.2023	Mua dầu	1111	1.363.636			1.363.636
05.07.2023	PC0206	05.07.2023	Mua dầu	1111	1.227.286			2.590.922
08.07.2023	PC0211	08.07.2023	Mua dầu	1111	1.245.455			3.836.377
08.07.2023	PC0212	08.07.2023	Mua dầu	1111	1.427.387			5.263.764
10.07.2023	PC0214	10.07.2023	Mua dầu	1111	1.000.055			6.263.819
10.07.2023	PC0215	10.07.2023	Mua dầu	1111	1.618.268			7.882.087
12.07.2023	PC0219	12.07.2023	Mua dầu	1111	1.318.182			9.200.269
12.07.2023	PC0220	12.07.2023	Mua dầu	1111	1.363.636			10.563.905
15.07.2023	PC0221	15.07.2023	Mua dầu	1111	1.272.836			11.836.741
17.07.2023	PC0223	17.07.2023	Mua dầu	1111	1.363.636			13.200.377
19.07.2023	PC0226	19.07.2023	mua dầu	1111	914.491			14.114.868
19.07.2023	PC0228	19.07.2023	Mua dầu	1111	1.309.773			15.424.641
21.07.2023	PC0232	21.07.2023	Mua dầu	1111	1.363.695			16.788.336
22.07.2023	PC0233	22.07.2023	Mua dầu	1111	1.182.565			17.970.901
22.07.2023	PC0234	22.07.2023	Mua dầu	1111	909.091			18.879.992
22.07.2023	PC0235	22.07.2023	Mua dầu	1111	1.374.218			20.254.210
23.07.2023	PC0236	23.07.2023	Mua dầu	1111	1.464.627			21.718.837
24.07.2023	PC0238	24.07.2023	Mua dầu	1111	1.363.753			23.082.590
25.07.2023	PC0239	25.07.2023	mua dầu	1111	976.418			24.059.008
26.07.2023	PC0242	26.07.2023	Chi phí xăng	1111	672.755			24.731.763
27.07.2023	PC0246	27.07.2023	Mua dầu	1111	1.427.379			26.159.142
27.07.2023	PC0247	27.07.2023	Mua dầu	1111	1.363.636			27.522.778
31.07.2023	00000000008	31.07.2023		2141	12.986.813			40.509.591
31.07.2023	00000000008	31.07.2023		242	1.535.429			42.045.020
31.07.2023	00000000008	31.07.2023		9111		42.045.020		
Số phát sinh trong kỳ				x	42.045.020	42.045.020	x	x
Số dư cuối kỳ:				x	x	x		

Số này có trang, đánh số từ trang 01 đến trang
Ngày mở sổ:

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 22 tháng 04 năm 2024
Người đại diện theo pháp luật
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Hình 2.8. Sổ chi tiết 6421- chi phí bán hàng

TK 6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chứng từ hạch toán: Phiếu thu

Tài khoản sử dụng: TK 6422

Nghiệp vụ: ngày 31/07/2023 công ty chi trả tiền phụ cấp ăn ca, điện thoại, làm thêm giờ tháng 07/2023

Đơn vị: Công Ty TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN AN XUÂN PHÁT	Mẫu số 02 - TT
Địa chỉ: số 330 Sư Vạn Hạnh, P.Duy Tân, TP. Kon Tum	(Ban hành theo Thông tư số: 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 31 tháng 07 năm 2023

Quyển số:.....

Số :0001595.....

Nợ :.....

Có :.....

Họ và tên người nhận tiền:Phan Hạ Yên.....

Địa chỉ:

Lý do chi: trả tiền phụ cấp ăn ca, điện thoại, làm thêm giờ tháng 7/2023

Số tiền: 18.785.500đ

Kèm theo Chứng từ gốc:

Giám đốc	Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập phiếu	Người nhận tiền
(Ký, họ tên, đóng dấu)	Bùi Thị Bích Thủy (Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	Phan Hạ Yên (Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ) :.....

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:.....

(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu)

Hình 2.9. Phiếu chi ngày 31/07/2023- trả tiền phụ cấp ăn ca, điện thoại, làm thêm, giờ tháng 07/2023

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN
Tài khoản: 6422 Chi phí quản lý doanh nghiệp
01.07.2023 - 31.07.2023

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	Số	Ngày			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	G
			Số dư đầu kỳ:	x	x	x		
01.07.2023	PC0202	01.07.2023	Chi hỗ trợ trang phục quý III + IV năm 2023	1111	12.500.000		12.500.000	
05.07.2023	00000000118	05.07.2023	Dịch vụ ngân hàng	1121	99.577		12.599.577	
05.07.2023	PC0207	05.07.2023	Mua xăng	1111	636.377		13.235.954	
06.07.2023	PC0209	06.07.2023	Chi phí sửa xe	1111	2.445.400		15.681.354	
06.07.2023	PC0210	06.07.2023	Chi phí sửa xe	1111	806.000		16.487.354	
06.07.2023	00000000120	06.07.2023	Dịch vụ ngân hàng	1121	48.470		16.535.824	
10.07.2023	00000000122	10.07.2023	Dịch vụ ngân hàng	1121	126.656		16.662.480	
11.07.2023	00000000124	11.07.2023	Dịch vụ ngân hàng	1121	137.713		16.800.193	
11.07.2023	PC0218	11.07.2023	Mua dầu	1111	636.364		17.436.557	
14.07.2023	00000000126	14.07.2023	Phí CT	1121	59.134		17.495.691	
16.07.2023	PC0222	16.07.2023	Mua xăng	1111	727.352		18.223.043	
18.07.2023	PC0225	18.07.2023	Mua xăng	1111	181.818		18.404.861	
19.07.2023	00000000128	19.07.2023	Dịch vụ ngân hàng	1121	150.000		18.554.861	
19.07.2023	PC0229	19.07.2023	Mua xăng	1111	563.645		19.118.506	
20.07.2023	00000000130	20.07.2023	Dịch vụ ngân hàng	1121	30.000		19.148.506	
24.07.2023	00000000132	24.07.2023	Dịch vụ ngân hàng	1121	100.443		19.248.949	
26.07.2023	PC0241	26.07.2023	Tiếp khách	1111	2.500.000		21.748.949	
27.07.2023	00000000135	27.07.2023	Dịch vụ ngân hàng	1121	41.351		21.790.300	
29.07.2023	PC0248	29.07.2023	Mua xăng	1111	306.374		22.096.674	
31.07.2023	00000000138	31.07.2023	Dịch vụ ngân hàng	1121	210.791		22.307.465	
31.07.2023	PC0251	31.07.2023	Trả tiền phụ cấp ăn ca, điện thoại, thêm giờ tháng 07/2023	1111	18.758.500		41.065.965	
31.07.2023	00000000008	31.07.2023		242	358.864		41.424.829	
31.07.2023	00000000008	31.07.2023		9111		68.214.529	-26.789.700	
31.07.2023	00000000115	31.07.2023	Tiền lương tháng 07/2023	334	22.580.000		-4.209.700	
31.07.2023	00000000115	31.07.2023	Tiền lương tháng 07/2023	33831	4.209.700			
			Số phát sinh trong kỳ	x	68.214.529	68.214.529	x	x
			Số dư cuối kỳ:	x	x	x		

Hình 2.10. Sổ chi tiết TK 6422- Chi phí quản lý doanh nghiệp

2.6.6. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

a. Kế toán thu nhập khác

Thu nhập khác là các khoản thu nhập từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên như: thanh lý, nhượng bán, thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng,..

Tài khoản sử dụng: TK 711 – Thu nhập khác dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động thu của doanh nghiệp

Chứng từ và sổ sách sử dụng: Chứng từ dùng để hạch toán bao gồm: Hóa đơn GTGT, phiếu thu, biên bản thanh lý,

Sổ sách công ty sử dụng: Sổ Nhật ký chung, Sổ cái TK 711, Sổ chi tiết TK 711

Nghiệp vụ minh họa:

Ngày 07/07/2023 công ty thu được một khoản tiền từ chị Yên về việc hỗ trợ khách hàng với số tiền 127,820 VND.

Nợ TK 1121 : 127,820

Có TK 711 : 127,820

Đơn vị: Công Ty TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN AN XUÂN PHÁT	Mẫu số 02 - TT
Địa chỉ: số 330 Sư Vạn Hạnh, P.Duy Tân, TP. Kon Tum	(Ban hành theo Thông tư số: 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của BTC)

PHIẾU THU

Quyển số:.....

Ngày 07 tháng 07 năm 2023

Số :00000000068

Nợ :.....

Có :.....

Họ và tên người nộp tiền: Phan Hạ Yên.....

Địa chỉ:

Lý do nộp: Hỗ trợ khách hàng

Số tiền: 127.820đ

Kèm theo Chứng từ gốc:

			Ngàythángnăm	
Giám đốc	Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập phiếu	Người nhận tiền
	Bùi Thị Bích Thủy		Phan Hạ Yên	
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ) :.....

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:.....

(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu)

Hình 2.11. Phiếu Thu Hỗ trợ khách hàng ngày 07/07/2023

Đơn vị: Công Ty TNHH Đầu Tư Và Phát Triển An Xuân Phát		Mẫu số S19-DNN						
Địa chỉ: Số 330 Sư Vạn Hạnh, Phường Duy Tân, Thành phố Kon Tum		(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)						
SỐ CHI TIẾT TÀI KHOẢN								
Tài khoản: 711 Thu nhập khác								
01.07.2023 - 31.07.2023								
Ngày, tháng ghi số A	Chứng từ		Diễn giải D	TK đối ứng E	Số phát sinh		Số dư	
	Số B	Ngày C			Nợ 1	Có 2	Nợ 3	Có G
			Số dư đầu kỳ:	x	x			
07.07.2023	00000000068	07.07.2023	Hỗ trợ bán hàng	1121		127,820		127,820
31.07.2023	00000000008	31.07.2023		9111	127,820			
			Số phát sinh trong kỳ	x	127,820	127,820	x	x
			Số dư cuối kỳ:	x	x	x		
Số này có trang, đánh số từ trang 01 đến trang								
Ngày mở số:								
Người ghi số (Ký, họ tên)			Kế toán trưởng (Ký, họ tên)			Người đại diện theo pháp luật (Ký, họ tên, đóng dấu)		
<Chưa xác định>			Phan Hạ Yên			Lương Tấn Xuân		

Hình 2.12. Sổ chi tiết TK 711- Thu nhập khác

SỔ CÁI (NHẬT KÝ CHUNG)

Thu nhập khác
Tài khoản: 711 Thu nhập khác
01.07.2023 - 31.07.2023

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TK đối ứng	Số phát sinh		
	Số	Ngày		Trang số	STT dòng		Nợ	Có	
A	B	C	D	D	E	F	1	2	
Số dư đầu kỳ:					x	x			
Số phát sinh trong tháng:									
07.2023									
07.07.2023	00000000068	07.07.2023	Hỗ trợ bán hàng		1	1121		127,820	
31.07.2023	00000000008	31.07.2023			2	9111	127,820		
- Tổng số trong tháng:								127,820	127,820
- Số dư cuối tháng:									
- Cộng lũy kế từ đầu quý:								127,820	127,820

Sổ này có trang, đánh số từ trang 01 đến trang

Ngày mở sổ:

Người ghi sổ (Ký, họ tên)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người đại diện theo pháp luật (Ký, họ tên, đóng dấu)
<Chưa xác định>	Phan Hạ Yên	Lương Tấn Xuân

Hình 2.13. Sổ Cái (Nhật Ký Chung) TK 711- Thu nhập khác

b. Kế toán chi phí khác

Chi phí khác là các khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với các hoạt động thông thường của công ty như: chi phí nhượng bán, tiền phạt do vi phạm hợp đồng,...

Tài khoản sử dụng: TK 811 – Chi phí khác dùng để phản ánh các khoản chi phí của hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp

Chứng từ và sổ sách sử dụng:

Chứng từ dùng để hạch toán như: Phiếu chi, Hóa đơn GTGT,...

Sổ sách mà công ty sử dụng: Sổ Nhật ký chung, Sổ cái TK 811, Sổ chi tiết TK 811

Trong kỳ, công ty không phát sinh các khoản chi phí khác

2.6.7. Chi phí thuế TNDN trong công ty

Xác định thu nhập chịu thuế TNDN:

- Tổng doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ
- Cộng các khoản thu nhập khác (lãi tiền gửi, cổ tức, chênh lệch tỷ giá, v.v.)
- Trừ các khoản chi phí được trừ (chi phí nguyên vật liệu, nhân công, khấu hao tài sản, lãi vay, v.v.)

Tính thuế suất TNDN:

Thuế suất TNDN là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Tính số thuế TNDN phải nộp:

Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập chịu thuế × Thuế suất TNDN (20%)

Chứng từ sử dụng: Phiếu chi

Sổ sách công ty sử dụng: Sổ Nhật ký chung, Sổ cái TK 821, Sổ chi tiết TK 821

Đơn vị: Công Ty TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN AN XUÂN PHÁT	Mẫu số 02 - TT
Địa chỉ: số 330 Sư Vạn Hạnh, P.Duy Tân, TP. Kon Tum	(Ban hành theo Thông tư số: 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của BTC)

PHIẾU CHI

Quyền số:.....

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Số :00000000008

Nợ :.....

Có :.....

Họ và tên người chi tiền: Bùi Thị Bích Thủy.....

Địa chỉ:

Lý do chi: nộp Thuế TNDN

Số tiền: 40.2779.000đ

Kèm theo Chứng từ gốc:

			Ngàythángnăm	
Giám đốc	Kê toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập phiếu	Người nhận tiền
	Bùi Thị Bích Thủy		Phan Hạ Yên	
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ) :.....

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:.....

(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu)

Hình 2.14. Phiếu chi tiền nộp Thuế TNDN ngày 31/12/2023

Đơn vị: Công Ty TNHH Đầu Tư Và Phát Triển An Xuân Phát				Mẫu số S03b-DNN				
Địa chỉ: Số 330 Sư Vạn Hạnh, Phường Duy Tân, Thành phố Kon Tum				(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)				
SỔ CÁI (NHẬT KÝ CHUNG)								
Thuế thu nhập doanh nghiệp								
Tài khoản: 821 Thuế thu nhập doanh nghiệp								
01.12.2023 - 31.12.2023								
Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số	Ngày		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	D	E	F	1	2
				Số dư đầu kỳ:	x	x		
				Số phát sinh trong tháng:				
12.2023								
31.07.2023	00000000008	31.12.2023			1	3334	40,277,900	
31.07.2023	00000000008	31.12.2023			2	911		40,277,900
- Tổng số trong tháng:							40,277,900	40,277,900
- Số dư cuối tháng:								
- Cộng lũy kế từ đầu quý:							40,277,900	40,277,900
Số này có trang, đánh số từ trang 01 đến trang								
Ngày mở sổ:								
Người ghi sổ (Ký, họ tên)			Kê toán trưởng (Ký, họ tên)			Người đại diện theo pháp luật (Ký, họ tên, đóng dấu)		
<Chưa xác định>			Phan Hạ Yên			Lương Tấn Xuân		

Hình 2.15. Sổ cái (nhật ký chung) TK 821- Chi phí Thuế TNDN

2.7. XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

Kết quả kinh doanh là số lãi hoặc lỗ do các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp mang lại trong một kỳ kế toán

Kế toán hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và giá trị vốn hàng bán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Trị giá vốn hàng bán bao gồm hàng hóa, sản phẩm, bất động sản, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như chi phí khấu hao, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư.

Kết quả hoạt động tài chính: Là con số chênh lệch giữa chi phí hoạt động tài chính và thu nhập hoạt động tài chính

Kết quả hoạt động khác: là số chênh lệch giữa các thu nhập khác và các khoản chi phí khác

Cuối kỳ, kế toán thực hiện bút toán Kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ

Tài khoản sử dụng:

Để hạch toán xác định kết quả kinh doanh công ty sử dụng TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Chứng từ và sổ sách sử dụng: Sổ Cái, Sổ chi tiết TK 911

Quy trình luân chuyển chứng từ: Cuối kỳ, kế toán tiến hành khóa sổ kế toán, xác định số phát sinh tại sổ cái các tài khoản: TK 511, 515, 632, 641, 642 sau đó phản ánh lên Sổ cái TK 911

Phương thức hạch toán:

Cuối kỳ kinh doanh, kế toán tiến hành kết chuyển số doanh thu thuần về tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ trong kỳ:

Nợ TK 511: Doanh thu thuần

Có TK 911: Tổng doanh thu thuần về tiêu thụ trong kỳ

Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ

Nợ TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính

Có TK 911: Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính

Kết chuyển trị giá vốn của hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ

Nợ TK 911: Tổng giá vốn hàng bán

Có TK 632: Kết chuyển giá vốn hàng bán

Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp trừ vào kết quả kinh doanh trong kỳ

Nợ TK 911: Tổng chi phí QLDN trừ vào kết quả kinh doanh trong kỳ

Có TK 6421: Kết chuyển chi phí bán hàng trong kỳ

Có TK 6422: Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp

Nghiệp vụ xác định kết quả kinh doanh:

Kết chuyển doanh thu thuần để xác định kết quả kinh doanh

Sau khi đối chiếu số liệu sổ cái TK 5111, ta có tháng 7 doanh thu thuần của công ty là 899.426.724 đồng kết chuyển doanh thu sang TK 911 – xác định kết quả kinh doanh

Nợ TK 511 : 899.426.724

Có TK 911 : 899.426.724

Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính để xác định kết quả kinh doanh

Sau Khi đối chiếu số liệu sổ chi tiết TK 515, kế toán sẽ kết chuyển vào TK 911 để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ. Bút toán ghi nhận:

Nợ TK 515 : 3.476

Có TK 911 : 3.476

Kết chuyển giá vốn hàng bán xác định kết quả kinh doanh

Căn cứ và đối chiếu Sổ cái và sổ chi tiết 632 “giá vốn hàng bán”, kế toán sẽ kế chuyển vào TK 911 để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ. Bút toán ghi nhận:

Nợ TK 911 : 781.851.713

Có TK 632 : 781.851.713

Kết chuyển chi phí khác để xác định kết quả kinh doanh

Căn cứ và đối chiếu Sổ cái và sổ chi tiết TK 711 “Chi phí khác”, kế toán sẽ kế chuyển vào TK 911 để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ. Bút toán kết chuyển:

Nợ TK 911 : 127.820

Có TK 711 : 127.820

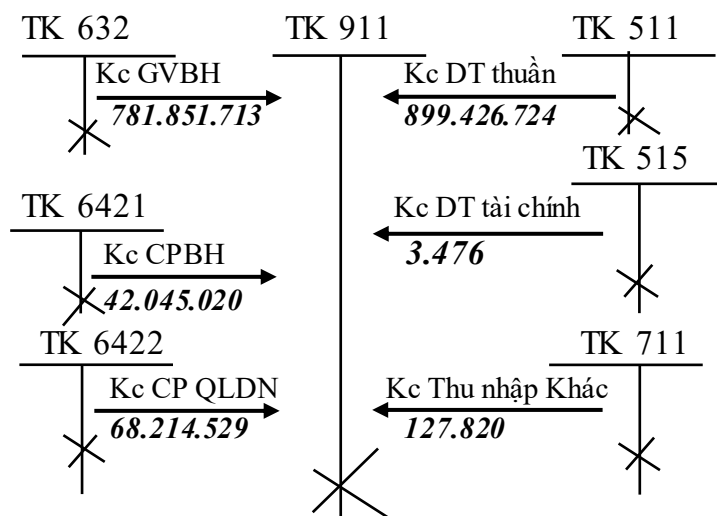
Kết chuyển Chi phí hoạt động để xác định kết quả kinh doanh

Căn cứ và đối chiếu sổ chi tiết TK 6421 “Chi phí bán hàng” và TK 6422 “Chi phí quảng lý doanh nghiệp”, kế toán sẽ kế chuyển vào TK 911 để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ. Bút toán kết chuyển:

Nợ TK 911 : 110.259.549

Có TK 6421 : 42.045.020

Có TK 6422 : 68.214.529



Sơ đồ 2.6. Hạch toán tổng hợp kết quả kinh doanh tháng 07/2023 công ty TNHH đầu tư và phát triển an xuân phát

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 9111 Xác định kết quả kinh doanh- chịu thuế

01.07.2023 - 31.07.2023

Ngày, tháng ghi số A	Chứng từ		Diễn giải D	TK đối ứng E	Số phát sinh		Số dư	
	Số B	Ngày C			Nợ 1	Có 2	Nợ 3	Có G
Số dư đầu kỳ:				x	x	x		104.392.457
31.07.2023	00000000008	31.07.2023		5111		899.426.724		1.003.819.181
31.07.2023	00000000008	31.07.2023		632	781.851.713			221.967.468
31.07.2023	00000000008	31.07.2023		515		3.476		221.970.944
31.07.2023	00000000008	31.07.2023		6422	68.214.529			113.246.824
31.07.2023	00000000008	31.07.2023		6421	42.045.020			111.711.395
31.07.2023	00000000008	31.07.2023		711		127.820		111.839.215
Số phát sinh trong kỳ:				x	892.111.262	899.558.020	x	x
Số dư cuối kỳ:				x	x	x		111.839.215

Sổ này có trang, đánh số từ trang 01 đến trang

Ngày mở sổ:

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 22 tháng 04 năm 2024
Người đại diện theo pháp luật
(Ký, họ tên, đóng dấu)

<Chưa xác định>

Phan Hạ Yên

Lương Tấn Xuân

Hình 2.16. Sổ chi tiết TK 911- Xác định kết quả kinh doanh

SỔ CÁI (NHẬT KÝ CHUNG)

Xác định kết quả kinh doanh
Tài khoản: 911 Xác định kết quả kinh doanh
01.07.2023 - 31.07.2023

Ngày, tháng ghi số A	Chứng từ		Diễn giải D	Nhật ký chung		TK đối ứng F	Số phát sinh	
	Số B	Ngày C		Trang số D	STT dòng E		Nợ 1	Có 2
Số dư đầu kỳ:				x	x			104,392,457
Số phát sinh trong tháng:								
07.2023								
31.07.2023	00000000008	31.07.2023		1	5111		899,426,724	
31.07.2023	00000000008	31.07.2023		2	632	781,851,713		
31.07.2023	00000000008	31.07.2023		3	515		3,476	
31.07.2023	00000000008	31.07.2023		4	6422	68,214,529		
31.07.2023	00000000008	31.07.2023		5	6421	42,045,020		
31.07.2023	00000000008	31.07.2023		6	711		127,820	
- Tổng số trong tháng:							892,111,262	899,558,020
- Số dư cuối tháng:								111,839,215
- Cộng lũy kế từ đầu quý:							892,111,262	899,558,020

Sổ này có trang, đánh số từ trang 01 đến trang

Ngày mở sổ:

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người đại diện theo pháp luật
(Ký, họ tên, đóng dấu)

<Chưa xác định>

Phan Hạ Yên

Lương Tấn Xuân

Hình 2.17. Sổ cái (nhật ký chung) TK 911- Xác định kết quả kinh doanh

Báo cáo kết quả kinh doanh tháng 07 năm 2023

Cuối kì, khi kết toán sau khi xác định mục tiêu:

- Sắp xếp các chứng từ kế toán theo trình tự thời điểm phát sinh
- Đối chiếu nội dung kinh tế, số tiền phát sinh từng chứng từ với nội dung kinh tế, số tiền của từng nghiệp vụ được phản ánh trên sổ sách kế toán.
- Kiểm soát quan hệ đối ứng các tài khoản trong sổ cái, chứng từ ghi sổ, sổ tổng hợp.

- Đối chiếu số liệu giữa chứng từ ghi sổ, số cái và số tổng hợp các tài khoản với nhau.

- Đối chiếu số liệu giữa các số chi tiết với số tổng hợp.

Sẽ cho ra báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty vào tháng 07 năm 2023

Đơn vị: Công Ty TNHH Đầu Tư Và Phát Triển An Xuân Phát
 Địa chỉ: Số 330 Sư Vạn Hạnh, Phường Duy Tân, Thành phố Kon Tum

Mẫu số B02-DNN
 (Ban hành theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

01.07.2023 - 31.07.2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
1	2	3	1	2
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	899.426.724	220.121.820
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		899.426.724	220.121.820
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	781.851.713	186.884.256
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		117.575.011	33.237.564
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	3.476	9.585
7. Chi phí tài chính	22	VI.5		
- trong đó: chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24	VI.6	110.259.549	77.430.418
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	30		7.318.938	(44.183.269)
10. Thu nhập khác	31	VI.7	127.820	1.445.443
11. Chi phí khác	32	VI.8		7.150.000
12. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		127.820	(5.704.557)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		7.446.758	(49.887.826)
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9		
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		7.446.758	(49.887.826)

Hình 2.18. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tháng 7/2023

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT

3.1. NHẬN XÉT CHUNG

Sau khi trải qua thời gian thực tập tại Công ty TNHH Đầu Tư Và Phát Triển An Xuân Phát, những ưu điểm chung của Công ty như sau:

Trải qua hơn 4 năm từ khi thành lập tới nay, Công ty đã phát triển không ngừng về quy mô, sự đa dạng về hàng hóa cũng như DT tăng qua từng năm.

3.1.1. Ưu điểm

Cơ cấu tổ chức giữa các cấp, các phòng trong Công ty khá tốt, tuy số lượng ít người nhưng sự phân chia hợp lý nên năng suất lao động cao. Công ty đặt con người lên hàng đầu nên các chính sách về phúc lợi, lương thưởng khá tốt. Ngoài việc chấp hành theo quy định về người lao động thì Công ty có những chế độ lương thưởng khá cao, còn có cung cấp cho nhân viên ở xa chỗ ở, ăn ca,...

Giám đốc, phó giám đốc là những người có năng lực lãnh đạo cũng như hiểu biết chuyên môn

❖ Về hình thức tổ chức công tác kế toán

Tổ chức kế toán theo hình thức Nhật ký chung, áp dụng Thông tư 133 là rất phù hợp với đặc điểm, quy mô của Công ty.

❖ Về hệ thống chứng từ và sổ sách kế toán

Việc lưu trữ chứng từ, sổ sách được Công ty thực hiện khá cẩn thận. Mỗi chứng từ trong mỗi nghiệp vụ được in ấn rõ ràng, đóng thành tập và bấm lại với nhau, tránh thất lạc hay nhầm lẫn giữa các nghiệp vụ. Việc này tạo thuận lợi khi có Thanh tra Thuế về kiểm tra. Bên cạnh đó, việc luân chuyển chứng từ được thực hiện nhanh chóng và kịp thời, tạo điều kiện để hiệu suất làm việc nâng cao.

Sổ sách được lưu trữ bằng cả file mềm và bản cứng để tránh mất dữ liệu. Sổ sách được in ra, đóng tập theo thứ tự và bảo quản ở trong kho theo thứ tự từng năm, rất dễ để tìm kiếm khi cần thiết hoặc khi Cơ quan Thuế về thanh tra

3.1.2. Nhược điểm

❖ Về công tác kế toán

Vì là Công ty với nhiều mặt hàng khác nhau nên việc báo cáo hằng tuần hoặc hằng tháng là điều cần thiết nhưng Công ty chưa thực hiện. Việc đối chiếu giữa kế toán và thủ kho cũng cần được thực hiện thường xuyên để phát hiện ra việc sai sót kịp thời chứ không để dồn nửa năm hoặc cuối năm mới kiểm tra 1 lần như vậy rất khó để truy vết trách nhiệm.

Việc kiểm kê hàng tồn kho chưa được chú ý tới dẫn đến đôi khi hết hàng hóa nhưng thủ kho không biết, không kịp thời đáp ứng được khách hàng.

Khi mua những đồ dùng nhỏ như văn phòng phẩm, giấy,... Thường không thông qua ý kiến của giám đốc hoặc phó giám đốc. Đây là một sơ hở để nhân viên có thể trục lợi cá nhân, tham ô công quỹ.

Công ty không thực hiện việc bảo mật lương của nhân viên, những trường hợp đố kỵ, ghen ghét lẫn nhau là khó tránh khỏi, ảnh hưởng đến văn hóa của Công ty và thậm chí là sự không hợp tác làm công việc bị đình trệ.

3.2. GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN

❖ Về công tác kế toán

Tất cả mọi CP phát sinh cần được sự thông qua của giám đốc, tránh nhân viên có hành vi trục lợi

Thực hiện việc kiểm tra hàng tồn kho, đối chiếu giữa các bộ phận liên quan thường xuyên hơn

❖ Về cơ cấu tổ chức

Nên để giám đốc kiêm luôn thủ quỹ. Như đã đề cập ở phần trên, phiếu chỉ cần sự phê duyệt của giám đốc nên khi để giám đốc kiêm thủ quỹ là hợp lý.

❖ Về công tác doanh thu chi phí

Cần cập nhật tình trạng thanh toán của mỗi hóa đơn ngay khi khách hàng thanh toán để tránh sai sót, đồng thời giám đốc có thể đối chiếu với tiền mặt mà mình nhận được hàng ngày.

KẾT LUẬN

Lợi nhuận của một doanh nghiệp không đơn thuần được đo bằng giá trị vật chất mang lại mà còn phải đảm bảo về cả chất và lượng về nhân lực cũng như thành quả kinh doanh trong mỗi doanh nghiệp. Để đạt được mục tiêu này thì mỗi doanh nghiệp cần tạo ra cho mình một hướng đi riêng, với những đường lối, phương hướng hạch toán kinh doanh đúng đắn, hiệu quả.

Kế toán là một công cụ quan trọng và cần thiết không thể thiếu được trong mỗi doanh nghiệp. Kế toán vừa là một công cụ quản lý kinh tế vừa là công tác nghiệp vụ hữu hiệu, là một trợ thủ đắc lực cho các nhà hoạch định kinh doanh vạch ra hướng phát triển trong tương lai. Kế toán xác định kết quả kinh doanh đóng góp không nhỏ trong việc đánh giá hiệu quả công tác tiêu thụ và xác định lợi nhuận.

Trong quá trình thực tập tại công ty TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN AN XUÂN PHÁT, em đã tìm hiểu về công tác kế toán tại công ty. Từ đó nhận ra những vấn đề còn tồn tại trong công tác tổ chức kế toán, quản lý chứng từ, cập nhật thông tin về các chính sách của nhà nước (hệ thống tài khoản sử dụng, quy trình sử lý số liệu, lưu trữ hóa đơn chứng từ...) và đưa ra các biện pháp khắc phục nhằm nâng cao lợi nhuận của công ty như tạo chính sách ưu đãi cho khách hàng ký hợp đồng dài hạn, kiểm tra đối chiếu chứng từ hàng tháng để giảm bớt áp lực công việc cuối năm khi quyết toán, lập báo cáo tài chính.

Khi tình hình kinh doanh được cải thiện đời sống nhân viên công ty sẽ tăng lên. Trong những năm qua, ban lãnh đạo công ty luôn cố gắng tạo ra môi trường làm việc thân thiện nhằm giữ chân nhân viên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Bộ tài chính (2016), *Thông tư số 133/2016/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán vừa và nhỏ*, ban hành ngày 26 tháng 08 năm 2016

GIẤY XÁC NHẬN
HOÀN THÀNH BÁO CÁO THỰC TẬP TỐT NGHIỆP

Họ và tên sinh viên:.....

Lớp:Mã số sinh viên:

Xác nhận sinh viên.....đã chỉnh sửa báo cáo tốt nghiệp/
khóa luận/đồ án theo ý kiến của Giảng viên hướng dẫn và Hội đồng đánh giá.

Tên báo cáo/khóa luận/đồ án tốt nghiệp:

.....

.....

Kon Tum, ngày.....tháng.....năm.....

Trưởng khoa

Người hướng dẫn